

## GIỮA HAI LÀN ĐẠN

Quân đội Nhật Bản đầu hàng ngày 15 tháng tám 1945. Quân Đồng Minh chiến thắng trao cho kẻ bại trận phải duy trì trật tự ở Đông Dương cho đến ngày các đơn vị chiếm đóng của Đồng Minh kéo vào. Tuy nhiên ngày 18 tháng tám các đơn vị quân đội Việt Minh đã vào Hà Nội.

Sài Gòn hình như cũng sôi sục. Không kìm mình được nữa, tôi bỏ công việc ở Cần Thơ, và cùng với Nguyễn Văn Linh, chúng tôi lên đường, như bị cuốn hút theo tình hình. Ở cửa ngõ Tân An, trước một bốt kiểm soát, tôi chạm trán Nguyễn Văn Tạo, nhà lãnh đạo phái Stalin mà tôi đã gặp ở trong tù. Anh ta cũng đi Sài Gòn. Chẳng có gì là lạ ! Anh vỗ vai tôi : "Này cậu, cần thận đấy, đừng làm gì bây giờ ! Suy nghĩ cho kỹ trước khi hành động !" Thái độ che chở của anh ta là thái độ của một đàn anh đối với một người nổi loạn trẻ, người non dạ. Anh thừa biết tôi thuộc về nhóm Trotskit bí mật.

Tôi về nhà mẹ, ở xóm Tân Lộ, cách Sài Gòn mười lăm kilômet về phía bắc. Nhà mẹ tôi mau chóng trở thành địa điểm liên lạc của anh em trong Liên minh. Thường qua lại đó có Lưu Sanh Hạnh, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Văn Linh và những đồng chí mới khác, trong đó có Lưu Khánh Thịnh làm công cho người Tàu ở Chợ Lớn, và Lê Ngọc, thuộc ủy ban đấu tranh mà 400 công nhân các xưởng máy Xe điện đã lập ra ở Gò Vấp.

Ủy ban ấy có tinh thần đấu tranh rất hăng hái, dưới chính quyền quân sự Nhật đã giành được tăng lương cho công nhân và sự thừa nhận của các đại biểu được bầu ra của họ. Liên minh chúng tôi có một hạt nhân hoạt động rất tích cực trong ủy ban ấy.



Một hôm, nhà thơ kiêm thợ sáp chữ Trần Đình Minh từ Hà Nội vào, tới chỗ chúng tôi với những tin tức miền Bắc vừa náo nức lòng người vừa đáng lo ngại. Bản thân anh trong năm 1944-1945 đã tung ra tờ *Cờ Đỏ* dưới hình thức bí mật truyền tay. Nhà văn Nguyễn Tế Mỹ đã tung ra một bản "Tuyên ngôn", phê phán Việt Minh phái Stalin và những cuộc tiếp xúc của họ với quân đồng minh để quốc chủ nghĩa: bản tuyên ngôn tố cáo Việt Minh gieo rắc ảo tưởng về một cuộc thỏa hiệp có thể thực hiện được với chủ nghĩa đế quốc Pháp và các nước Đồng Minh để có "giải phóng dân tộc". Tại vùng Đan Phượng (Hà Đông), Lương Đức Thiệp cùng các bạn đã cho ra tờ *Chiến Đấu* kêu gọi công nông nổi dậy chống bọn đế quốc, không trừ bọn nào, Nhật hay Đồng minh. Các sinh viên Nguyễn Tôn Hoàn, Phan Thanh Hòa và Tuân đã xuống vùng mỏ để trao đổi với anh em thợ mỏ những vấn đề đặt ra trong cuộc đấu tranh. Họ làm như vậy để ngăn chặn ảnh hưởng tuyên truyền ái quốc cực đoan của Việt Minh và phê phán cuộc đấu tranh chỉ xoay quanh một vấn đề duy nhất là độc lập dân tộc. Bởi vì rõ cuộc, nếu chỉ có độc lập dân tộc thôi thì những người phu phen nô lệ của các đồn điền cao su, công nhân các hầm mỏ và nhà máy, các nông nô của ruộng đồng, có được giải phóng không?

Rồi, như một câu trả lời đích đáng, một niềm hy vọng lớn lao đã đến với chúng tôi cùng với tin 30000 thợ mỏ Hòn Gai-Cẩm Phả, nắm lấy số phận mình trong tay, đã bầu ra các uỷ ban để tự mình quản lý lấy việc sản xuất than. Họ kiểm soát các công sở của khu vực, đường sắt, bưu điện, và áp dụng nguyên tắc lương hưởng bằng nhau cho tất cả mọi người ở mọi cấp lao động chân tay và trí óc. Họ còn xóa nạn mù chữ bằng mở những lớp học cho anh chị em. Như vậy là cuộc sống đã được tổ chức lại tại cái công xã thợ thuyền ấy, không có người đứng đầu, không có cớm.

Thực ra ngay lúc ấy, chúng tôi đã e rằng nó không thể tồn tại được lâu. Bởi vì tất cả những gì Trần Đình Minh kể chỉ cho chúng tôi thấy quá rõ không những cách mạng xã hội không hề nằm trong chương trình nghị sự của Việt Minh phái Stalin đề ra, khi mà giờ đây họ đã nắm chính quyền ở miền Bắc, mà họ còn sẵn sàng đàn áp nó bằng mọi giá để giữ vững quyền lực chính trị toàn diện của họ. Vả lại họ cũng chẳng đợi đến lúc đã "ngồi yên vị" mới trừ khử về thể xác tất cả những người họ gọi là "Trotskyit phản quốc". Trần Đình Minh kể cho chúng tôi nghe chuyện một người Trotskyit trẻ tuổi hoạt động rất tích cực tên là Nguyễn Hữu Dung, đi thuyền trên đồng ruộng ngập lụt bị một người Việt Minh trẻ tuổi chèo thuyền đuổi theo sát hại; và chuyện cái chết của một thày giáo tên là Trần Tiên Chinh, vì đối lập nên bị tra tấn đến chết trong một nhà tù Việt Minh ở Bắc Cạn. Cái cộng đồng thợ mỏ Cẩm Phả-Hòn Gai rồi sẽ ra sao? Nửa hy vọng nửa lo âu, chúng tôi phải sống một thời gian lâu trong sự mù mịt, dù rằng nhờ họ, chúng tôi đã thấy rõ hơn vì sao mình phải chiến đấu.



Tại miền Nam, các chính đảng và các nhóm chính trị phát triển dưới chế độ chiếm đóng Nhật đã liên minh lại trước sự đe dọa người Pháp sắp quay trở lại. Đảng Quốc gia độc lập và tất cả các tổ chức quốc gia khác (các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, đoàn Thanh niên Tiền phong, Liên đoàn công chức, Nhóm trí thức và các tu sĩ Phật giáo) tập hợp lại thành một Mặt trận dân tộc thống nhất và kêu gọi dân chúng biểu tình ngày 21 tháng tám 1945 với khẩu hiệu: ĐẢ ĐẢO ĐẾ QUỐC PHÁP! VIỆT NAM ĐỘC LẬP MUÔN NĂM!

Chúng tôi di tới cuộc tập hợp ấy với những biểu ngữ riêng của chúng tôi : VŨ TRANG NHÂN DÂN ! RUỘNG ĐẤT THUỘC VỀ DÂN CÀY ! CÔNG NHÂN KIỂM SOÁT NHÀ MÁY ! Trong đám đông phu phen, thợ thuyền và dân cày kề vai sát cánh với chúng tôi trong một tình anh em nồng cháy, chúng tôi xiết bao vui mừng được gặp lại các bạn mình ! Nhưng lòng tôi thắt lại trước sự vắng mặt, bỗng dung cảm thấy đau đớn khôn tả, của những anh em đã chết trong cơn lốc những năm vừa qua : Trịnh Văn Lầu, Võ Văn Đơn, Văn Văn Ký...

Ngay chiều hôm ấy, những xe ô tô mắc loa phóng thanh gào thét: "Tất cả mọi người hãy ủng hộ Việt Minh !" chạy ngang dọc phố xá Sài Gòn. Chúng tôi đọc trong truyền đơn của họ thấy nói: "Việt Minh đã kề vai sát cánh với các nước Đồng Minh để chiến đấu chống Pháp, chống Nhật. Chúng ta sẽ dễ dàng thương lượng với nhau [về vấn đề độc lập] !" Những lời ba hoa của người phái Stalin Trần Văn Giàu đang trên đường lên nắm chính quyền.

Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, đứng đầu Thanh niên Tiền phong, cảm thấy Việt Minh đang lên như diều gặp gió, rời bỏ Mặt trận dân tộc thống nhất, gia nhập chính đảng thân Stalin và trao vào tay nó cái công cụ kiểm soát và quyền lực ghê gớm mà Đoàn Thanh niên Tiền phong đã trở thành. Ngay hôm sau, các bando rôn của Thanh niên Tiền phong đã kêu gọi : "Toàn bộ chính quyền về tay Việt Minh !"

Liên đoàn công chức bắt tay với Thanh niên Tiền phong : bệ phóng đã sẵn sàng để những người phái Stalin lên nắm chính quyền. Các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo cũng bắt tay nốt với Việt Minh.

Tối hôm sau ngày diễn ra cuộc mít tinh, tôi gặp Kính Án Độ, người bạn cùng làm việc với tôi ở Vĩnh Long. Anh nói với tôi : "Chúng tớ sẵn sàng để nắm chính quyền, bố cáo đã được in rồi". Vậy là anh ta cũng ở trong "cú" này cùng với Trần Văn Giàu. Tại công viên lớn của thành phố, tôi gặp những tốp Thanh niên Tiền phong trang bị gây tâm vông tập chiến đấu du kích và đi đều bước.

Chiều ngày 24 tháng tám 1945, một bảng vuông khổng lồ phủ vải đỏ được dựng lên trước cửa tòa thị chính thông báo bằng nét chữ lớn : "uỷ ban chấp hành lâm thời Nam Bộ : Chủ tịch và phụ trách Quân sự, Trần Văn Giàu ; phụ trách Ngoại Giao, Phạm Ngọc Thạch ; phụ trách Nội Vụ, Nguyễn Văn Tạo ; phụ trách An ninh Quốc gia, Dương Bạch Mai". Đó là cái chính phủ *de facto* (trên thực tế) tự phong của những ông chủ mới của chúng ta. Một chính quyền thân Stalin không chia sẻ – có thêm vài vai chạy cờ để che mắt thế gian – nó tổ chức vào ngày hôm sau, 25 tháng tám, một cuộc mít tinh có giá trị như một cuộc bỏ phiếu. Chúng tôi quyết định đến đó để nói lên tiếng nói đối lập của mình.

Vào những giờ đầu của buổi sáng 25 tháng tám, tất cả dân Sài Gòn bản xứ, dân cư các nhà lá vùng ven, dân nghèo các vùng ngoại ô gần Gia Định, Gò Vấp, Thị Nghè, Khánh Hội, đổ dồn về trung tâm thành phố đã tràn ngập những bà con nông dân đến hồi ban đêm, từ những xóm giàu tinh thần nổi loạn Bà Điểm, Hóc Môn, Đức Hòa và Chợ Đệm. Họ đổ về đại lộ Norodom, ở đó, phía đằng sau nhà thờ – một vở kịch mới – được dựng lên một sân khấu. Chưa từng bao giờ thấy một khối quần chúng khổng lồ đến như vậy. Đó là một cuộc xông lên tràn trề hy vọng. Bay trong không gian cái cảm giác say sưa của sự đồng tâm nhất trí rộng khắp: ai cũng muốn được sống những giờ phút cuối cùng của chế độ thuộc địa và cũng sẵn sàng xông vào một cuộc chiến đấu dẫn tới những ngày mai bất định. Liên đoàn, với những khẩu hiệu triệt để của nó, "Ruộng đất thuộc về dân cày ! Nhà máy thuộc về thợ thuyền !", gây nên một làn sóng phán khởi của những người bị bóc lột, đến đây với niềm hy vọng thanh toán hết mọi ông chủ, dù là da trắng hay da vàng. Và đáp lại, các người phái Stalin hô "Toàn bộ chính quyền về tay Việt Minh !" chúng tôi hô "Toàn bộ chính quyền về tay các ủy ban của nhân dân !", và chúng tôi hát Quốc tế ca đáp lại bài *Lên đàng* của Thanh niên Tiền phong ca ngợi "chủ nghĩa anh hùng muôn đời của dân Việt". Không chịu thua, các người phái Stalin đã di tới tận chỗ khẳng định rằng "người cộng sản, trên phương diện là những chiến sĩ tiên phong của giống nòi, sẵn sàng đặt quyền lợi của Tổ quốc lên trên lợi ích giai cấp".

Tại cuộc họp báo ngày hôm sau của Trần Văn Giàu tổ chức tại tòa thị chính, Trần Văn Thạch, thuộc nhóm La Lutte, đặt cho ông ta câu hỏi : "Ai đã bầu ra ủy ban chấp hành lâm thời

Nam Bộ?", Trần Văn Giàu câu lăm, đáp: "Chúng tôi tạm thời nắm chính phủ trong lúc này, sau này chúng tôi sẽ chuyển giao lại cho các ông. Còn câu trả lời chính trị của tôi, – ông ta đặt tay lên bao súng lục và nói tiếp – tôi sẽ đưa ra với ông vào dịp khác". Quả có thể, Trần Văn Thạch sẽ gục ngã trước những viên đạn của các nhân viên ám sát của Trần Văn Giàu vào tháng mười 1945.

Chuẩn bị đối phó với phái bộ Đồng Minh sắp tới với nhiệm vụ giải giáp và hồi hương quân đội Nhật, Trần Văn Giàu đề nghị dân chúng "hợp tác với chính phủ để đón tiếp phái bộ một cách long trọng, mỗi cơ sở cũng như nhà tư sẽ treo cờ Anh, Mỹ, Nga và Trung Hoa, với ở giữa là cờ đỏ sao vàng của Việt Nam".

Ngày mồng 2 tháng chín 1945, Trần Văn Giàu tổ chức một cuộc phô diễn vũ trang. Từ trên bục cao, ông ta kêu gọi quần chúng; ông không chỉ ca ngợi nền độc lập, mà đã bắt đầu tố cáo "một số kẻ phản bội tổ quốc". Ông nói tiếp: "Cần phải trừu trị những bọn gây ra những rối loạn trong nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và tạo cho kẻ địch cơ hội để xâm chiếm đất nước ta". Những lời đe dọa đó tất nhiên là nhắm vào chúng tôi, nhưng cũng đồng thời cảnh báo những người bất phục tùng khác có thể có. Chúng tôi hiểu rằng việc diệt trừ những người cách mạng đổi lập, đã bắt đầu triển khai rộng rãi ở miền Bắc, cũng đe dọa cả miền Nam nữa.

Chúng tôi đặc biệt chú ý đến sự có mặt trong đoàn diễu hành vũ trang của một tốp người cởi trần trùng trực, mìn h xăm, với chiếc bänderon mang dòng chữ: BAN ÁM SÁT XUNG PHONG. Đó là những tên cướp Bình Xuyên do Trần Văn Giàu và Dương Bạch Mai tuyển mộ làm tay chân và vệ sĩ. Người

ta gọi họ là quân Bình Xuyên là theo tên cái vùng nghèo khổ ít dân cư, hang ổ nổi tiếng của những người sống ngoài vòng pháp luật. Hình như lực lượng chính của cái băng đảng ấy, đặt ở gần cầu chữ Y giữa Sài Gòn và Chợ Lớn, kiểm soát các kênh Thị Nghè, kênh Tề, vùng phía nam Sài Gòn và hầu như toàn bộ thị trấn Chợ Lớn. Thêm vào đó, "quân đội nhân dân" của Trần Văn Giàu chủ yếu bao gồm những lữ đoàn vệ binh cơ động, những nhân viên của đội hiến binh cũ – là lực lượng đàn áp của Pháp được quân Nhật duy trì – nay nhảy sang phục vụ những ông chủ mới. Đoàn Thanh niên Tiền phong diễu hành qua, trương lên bằng tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung Quốc câu khẩu hiệu "Chào mừng các phái bộ Đồng Minh", khẩu hiệu ưa thích của chính phủ Trần Văn Giàu. Dưới sự chỉ huy của những người của chính họ, tiến bước những đoàn quân giáo phái Cao Đài, đội quân quốc gia – chủ nghĩa hùng mạnh được gọi là "Sư đoàn Ba", và quân Hòa Hảo, những tín đồ vũ trang của ông Đạo Khùng, bước đi với niềm tin Vua – Phật sấp đăng quang. Khắp nơi là những bänderon bằng tiếng Pháp và tiếng Việt: ĐÁ ĐẢO CHỦ NGHĨA THỰC DÂN PHÁP! THÀ CHẾT KHÔNG CHỊU LÀM NÔ LỆ! VIỆT NAM HOÀN TOÀN ĐỘC LẬP!

Vào khoảng 16 giờ, khi đoàn diễu hành đi vòng qua nhà thờ, có tiếng súng nổ chí chát. "Bọn Pháp bắn!" quần chúng kêu lên và hoảng hốt chạy tản ra. Những tốp vũ trang lao về phía tòa Nhà Chung, đột nhập vào sân ngoài ở đó cha tuyên úy Tricoire, mà tôi đã biết ở trong tù, bị một nhát dao đâm ngã xuống. Rồi lại thêm những tiếng súng loạn xạ nổ ra lung tung các nơi, trên đại lộ Bonnard, tại chợ Bến Thành. Xẩm tối thì mưa rào như trút nước đem lại sự yên tĩnh. Tin đồn đi là có năm người Pháp bị giết.

Hôm sau ngày phô trương lực lượng ấy, Trần Văn Giàu ban bố lệnh cấm mang vũ khí đi trên đường phố, tất nhiên ngoại trừ những cớm và những người ủng hộ ông ta. May sao, lệnh đó mọi người phớt lờ.

Nhân danh Liên đoàn những người cộng sản quốc tế chủ nghĩa, chúng tôi rải tại quảng trường Chợ Bến Thành truyền đơn kêu gọi dân chúng hãy tự vũ trang, tự tổ chức những ủy ban của nhân dân, lập ra những đội dân quân. Ở đây cần lưu ý rằng trong một cuốn sách xuất bản ở Sài Gòn năm 1994, nhan đề *Lịch sử kháng chiến, Sài Gòn-Chợ Lớn-Gia Định, 1945-1975*, các cây bút tay sai đã vu cáo gán cho Liên đan quốc tế chủ nghĩa câu khẩu hiệu kỳ thị chủng tộc: "Tiêu diệt người da trắng!" Khốn khổ thay cho những kẻ thư lại...

Ai ai cũng tìm cách kiếm vũ khí. Tại Sài Gòn, các ủy ban của nhân dân (gọi nhớ lại các ủy ban hành động của năm 1936), xuất hiện đông đảo và tự phát, như những tổ chức tự quản. Ngay trong tháng tám, thợ thuyền quận Phú Nhuận đã bầu ra ủy ban của mình, ủy ban ấy tự tuyên bố là "cơ quan chính quyền duy nhất hợp pháp của quận". Khu Bàn Cờ theo gót ngày hôm sau. Mầm mống những hội đồng nhân dân mọc ra khắp nơi; tính tích cực chủ động của nhân dân tỏ ra không gì cưỡng lại nổi. Liên đoàn chúng tôi triển khai hoạt động trong sự hiệp đồng với phong trào ấy. Chúng tôi mở ra tại số 9 phố Duclos, quận Tân Định, một trụ sở ở đó các đại biểu được bầu có thể họp hành dưới sự bảo vệ của công nhân vũ trang. Các đại biểu ấy phổ biến một bản tuyên bố trong đó họ khẳng định sự độc lập của họ đối với các đảng phái chính trị, và kiên quyết lên án mọi sự xâm phạm vào tính chất tự trị của những nghị quyết của công nhân và nông dân.

Tôi sống trong vòng bí mật, dành thời gian vào việc đi lại lại về làng tôi để cất những vũ khí chúng tôi kiếm được đây đó, chủ yếu ở chợ đen.

Một lần ở thành phố, tôi chạm trán với Kinh ấn Độ. Anh ta kể cho tôi nghe rằng tại các tỉnh Mỹ Tho, Trà Vinh, Sa Đéc, Long Xuyên và Châu Đốc, nông dân đã tự động chiếm lấy ruộng đất của những kẻ bóc lột. "Ruộng đất thuộc về những người cày bừa nó", đảng cộng sản đã tuyên bố như thế năm 1930. Giờ đây, các người đảng viên phái Stalin – vì đã cố kìm hãm họ lại – suýt bị nông dân thanh toán. Trên báo chí xuất hiện một thông báo của vị ủy viên Nội vụ không phải ai khác là "anh chàng" Nguyễn Văn Tạo: "Sẽ bị nghiêm khắc trừng trị những ai xúi bẩy nhân dân xâm chiếm bất động sản. Cuộc cách mạng cộng sản, có nhiệm vụ giải quyết vấn đề ruộng đất, còn chưa diễn ra. Chính phủ chúng ta là một chính phủ dân chủ tư sản mặc dù các người cộng sản đang cầm quyền". Đó, anh bạn tù cũ của chúng tôi hôm nay đã trở thành ông chủ của "cái máy nghiền" của mọi chính quyền mới. Từ nay, Nguyễn Văn Tạo nắm trong tay quyền sinh quyền sát đối với chúng tôi. Cái lời khuyên nên thận trọng anh ta nói với tôi với một tinh thần thân ái trong lần chúng tôi gặp nhau ở Tân An, giờ đây vang lên như một lời cảnh cáo thực sự.



Ngày 6 tháng chín 1945, phái bộ Đồng Minh đến, dẫn đầu là viên tướng Anh Gracey. Mặc dầu được Việt Minh đón tiếp long trọng, phái bộ lập tức đuổi cái chính phủ trên thực tế ra khỏi dinh thống sứ Nam Kỳ và đến ở đó. Trần Văn Giàu và

nhóm của ông ta dọn sang tòa thị chính. Thừa lệnh Gracey, viên tư lệnh Nhật Terauchi yêu cầu Trần Văn Giàu phải giải tán những nhóm vũ trang và cấm mọi người mang vũ khí.

Lập tức Trần Văn Giàu tìm ra được người phải giơ đầu chịu báng. Ông trút sấm sét lên Liên đoàn: "Một nhóm vô trách nhiệm đã kêu gọi dân chúng biểu tình ở chợ Sài Gòn đòi "vũ trang nhân dân", họ đã lạm dụng những quyền tự do dân chủ mà ủy ban chấp hành chúng tôi đã ban bố. Nhóm ấy đã tạo cơ cho người nước ngoài xâm phạm chủ quyền của chúng ta".

Một chiến dịch căm thù được triển khai chống lại chúng tôi. Trên báo *Dân chúng*, các người phái Stalin gọi các người Trotskit là Việt gian. Ngày mồng 7 tháng chín, nhóm La Lutte công bố Tạ Thu Thảo bị bắt ở Quảng Ngãi. Trần Văn Giàu bị chất vấn đã trả lời nhóm La Lutte bằng một thông cáo báo chí nói rằng: "Ủy ban chấp hành Nam Bộ có quyền xử Tạ Thu Thảo".

Trên thực tế, Trần Văn Giàu vẫn có trong tay những đội vũ trang, một thứ KGB do anh bạn Dương Bạch Mai của mình chỉ huy, các đồn cảnh sát và nhà tù. Ngày 14 tháng chín 1945, Dương Bạch Mai phái tay chân của mình tới bao vây trụ sở Hội đồng các ủy ban nhân dân ở Tân Định, nơi mà Liên đoàn có ảnh hưởng rất lớn, bắt đi khoảng ba chục đại biểu, các bạn Lư Sanh Hạnh và Nguyễn Văn Chuyển của chúng tôi, và tịch thu súng ống. Ông ta tống giam họ vào Khám Lớn mà thực ra họ đã quá quen thuộc... từ thời bọn Pháp.

Tình hình càng dồn dập tới việc một tiểu đoàn quân Gurkhas Ấn Độ dưới sự chỉ huy của sĩ quan Anh kéo vào với nhiệm vụ giải giáp quân Nhật và duy trì trật tự tại nửa phía

Nam của Việt Nam. Ngày 17 tháng chín, chính phủ trên thực tế là kêu gọi tổng bãi công, bãi thị. Ngày 20, Gracey cấm báo chí Việt Nam và cho xé các tờ bối cáo của Việt Minh dán trên các tường trong thành phố. Lệnh của Việt Minh kêu gọi dân chúng tản về nông thôn và "giữ bình tĩnh" vì chính phủ thực sự hy vọng có thể đàm phán được với quân Anh. Ngày 21, Gracey tuyên bố thiết quân luật. Ngày 22, quân Anh chiếm Khám Lớn Sài Gòn và trao các anh bạn chúng tôi cho mật thám Pháp.

Binh lính Pháp bị Nhật bắt làm tù binh được Gracey thả ra và trang bị cho súng ống, săn đuổi người dân Việt Nam, gieo kinh hoàng trong thành phố. Chúng chiếm các đồn cảnh sát và Sở Mật thám. Vào khoảng 4 giờ sáng chủ nhật, chúng đánh chiếm tòa thị chính mà nhóm Trần Văn Giàu đã bỏ không, bắn chết những lính gác người Việt. Chúng trói chặt khoảng năm chục người bản xứ làm tù binh. Thế là dân chúng, phần vì kinh hãi phần vì bị giày vò, lập tức dựng lên các chiến lũy đường phố bằng cây cối chặt đổ, bằng xe cộ lật nhào, bằng bàn ghế giường tủ để chặn đường các đội tuần tra và quân đội. Một cuộc kháng cự tuyệt vọng. Tiếng súng trung liên nổ chát chúa cho đến 6 giờ sáng. Khu trung tâm thành phố cuối cùng đã rơi vào sự kiểm soát của quân Pháp với sự trợ lực của quân Án Gurkhas. Rồi lính bộ và lính thủy Pháp đi từng nhà một trong khu trung tâm và bến cảng, bẻ khoá các nhà và bắt dân đem đi. Chúng tống họ vào các đồn cảnh sát, vào mọi nhà công sở chúng kiếm được. Tại nhà bưu điện trung ương, hơn một trăm người, gồm cả đàn ông đàn bà và thanh thiếu niên, bị bắt giữ, ngồi xổm dưới đất, hai tay ôm lấy đinh đầu.

Nhưng các xóm ngoại ô và ngoại thành, nơi ở của dân nghèo, thì ở trong tay những người nổi dậy. Sài Gòn bị bao

vây. Phía nam, quân Bình Xuyên chiếm giữ từ kênh Thị Nghè cho đến tận Chợ Lớn, phía tây bắc, quân Cao Đài chiếm giữ đường đi Tây Ninh và sân bay Tân Sơn Nhất. Dân quân Việt Minh thì triển khai hoạt động trong vùng ngoại thành trực tiếp phía bắc thành phố, trên các bãi sông từ Avalanche cho đến tận đường qua Gia Định.

Bị kẹt giữa hai làn hỏa lực, hỏa lực quân Anh – Pháp và hỏa lực của các người phái Stalin, chúng tôi cùng với Lịnh ẩn náu ở nhà Nam tại Cầu Kho, một xóm vòng đai. Một buổi sáng nọ chúng tôi bị đánh thức dậy bởi tiếng ôn ào của các đội viên Thanh niên Tiền phong đang tập hợp. Vì Nam là chỗ quen biết của những người nổi dậy ở trong phố, chúng tôi đã di thoát yên ổn. Chúng tôi được tin rằng tại quận Dakao, ngay tối 23 tháng chín, các người phái Stalin đã ám sát người bí thư ủy ban nhóm La Lutte khu Sài Gòn-Chợ Lớn Lê Văn Vững, và ở Cần Giuộc, ám sát nhà giáo Nguyễn Thi Lợi, đoàn viên công đoàn cũng thuộc nhóm ấy. Tất cả lực lượng chiến đấu nội thành của chúng tôi đã bị mật vụ của Trần Văn Giàu đập tan, nên chúng tôi quyết định rút khỏi thành phố để tập hợp lại lực lượng. Nam đã tìm cho chúng tôi một người chủ thuyền trên kênh Thị Nghè. Chúng tôi chạy dưới làn đạn bắn để ra thuyền ông ta.

Về cuối chiều, một tốp Bình Xuyên ngược kênh Thị Nghè đổ lên đại lộ La Somme, tập trung quân với một tốp khác vừa tiến vào Sài Gòn theo phố Verdun đi về hướng Chợ trung tâm. Từ đó và từ đại lộ Bonnard, họ dùng hỏa lực kiểm soát khu trung tâm, phố Catinat, khách sạn Continental.

Chúng tôi nằm bẹp xuống lòng thuyền. Chủ thuyền cho thả neo xa bờ, ở giữa sông Bến Nghé ngang Cầu Kho... Chúng tôi đợi nước triều lên để ra đi. Vài xác chết nổi lềnh bềnh trôi theo

dòng nước. Tôi được mục kích một cuộc săn người kinh tỤm trên bờ sông. Những tràng đạn rít lên, rơi xuống như những giọt mưa rào xung quanh thuyền chúng tôi. Đêm đó xuống, bên bờ tả ngạn, lửa cháy đỏ rực trời: đó là nhà máy điện Chợ Quán cháy và đâm thành phố vào bóng tối. Những người nổi dậy cũng đặt mìn phá nhà máy nước. Ngày hôm sau chúng tôi tới kênh Tề đổ ra sông Sài Gòn lúc này còn ở ngoài vòng kiểm soát của quân thù da trắng.

Vài quân lính Bình Xuyên đi tuần tra trên dòng kênh, áp sát vào thuyền chúng tôi. Lịnh chìa ra một giấy thông hành cũ và lựa lời nói với họ. Chúng tôi ra khỏi cuộc gặp gỡ ấy bình yên vô sự.

Chúng tôi ra khỏi kênh đúng lúc có một đoàn xà lan có lính Nhật đứng gác, chạy ngược sông Sài Gòn đi tới. Trông thấy thuyền chúng tôi cuồng cuồng lao về phía họ, họ quăng cho chúng tôi một sợi dây thừng như quăng cho những người đắm tàu. Được kéo theo đoàn xà lan như vậy đi giữa sông, chúng tôi qua cảng Sài Gòn, tránh được mọi sự kiểm soát. Chúng tôi tách ra khỏi đoàn xà lan để cập bờ ở cầu Bình Lợi khi màn đêm buông xuống. Xa xa Sài Gòn đỏ rực ánh lửa các đám cháy. Ông chủ thuyền tốt bụng cho chúng tôi lên bờ ở gần Thủ Đức. Khi chia tay, ông ta lại có nhã ý tặng chúng tôi một hủ mứt mà lẽ ra ông phải trao cho một khách hàng người Tàu. Lịnh và tôi về đến nhà mẹ tôi vào ban đêm.

Ở làng, chúng tôi tự tổ chức thành một nhóm tự vệ. Lịnh dạy các bạn trẻ cách sử dụng một khẩu súng lục. Các bạn quây quần quanh chúng tôi một cách thân tình, mặc dù họ là đoàn viên Thanh niên Tiên phong. Sự có mặt của tôi làm cho người đội

trưởng của họ, một thầy giáo cũ, cảm thấy khó xử: anh ta sợ lôi thôi với các người phái Stalin đang cầm quyền ở Thủ Đức.

Trong một ngôi nhà ở lối vào một đồn điền cao su ngay gần xóm, của người chủ Pháp bỏ lại, có một tủ sách lớn, sách vương vãi khắp dưới đất. Tôi rất thú vị tìm thấy cuốn *Các hội kín tại xứ Annam* của Georges Coulet, một bộ sưu tập các từ điển tiếng bản xứ cũng như các tấm ảnh cũ màu nâu đen chụp những người bị xử bắn ở đồn Chí Hòa là những người nổi dậy bị đem ra hành quyết sau thất bại của cuộc tấn công Khám Lớn vào tháng hai 1916. Các bạn trẻ của chúng tôi đem các tấm ảnh ấy ra triển lãm tại nơi họp hành của họ, một cái lều họ đã dựng lên trên đất của chúng tôi.

Anh bạn Nam của chúng tôi cũng ra thoát được khỏi Sài Gòn bị bao vây và về chở chúng tôi. Anh tả cho chúng tôi cảnh thành phố không có điện nước, chìm trong không khí tàn sát và đói kém. Những người nổi dậy đã tấn công đồn cảnh sát ngoài bến, đốt cháy Công ty Cao su, các nhà kho, phóng hỏa khu Chợ trung tâm và các kho thóc của Pháp.

Một buổi chiều đáng ghi nhớ, Lê Ngọc về tới chở chúng tôi với những tin tức xúc động lòng người. Cùng với các bạn của anh là anh em công nhân các xưởng máy của Sở xe điện ở Gò Vấp, họ quyết định tham gia cuộc nổi dậy trên tư cách hoàn toàn độc lập. Theo tinh thần quốc tế chủ nghĩa của Liên đoàn, áp dụng nguyên văn những lời kêu gọi của mình về vũ trang nhân dân, họ đã đoạn tuyệt với Tổng liên đoàn lao động Việt Minh, được mệnh danh là "Thanh niên cứu quốc", và họ đã tự tổ chức thành một đội "Cánh vệ công nhân", một tên gọi từ cuộc chiến tranh Tây Ban Nha. Khoảng sáu chục chiến đấu viên được tổ chức thành những tiểu đội mười một người, mỗi

tiểu đội đặt dưới sự phụ trách của một anh em đó chính họ chọn ra. Họ đã bầu Trần Đình Minh làm thủ lãnh. Trong khi quân Pháp, có sự yểm trợ của quân Án, hoài công cố phá vỡ vòng vây bao quanh Sài Gòn, Đội cảnh vệ công nhân chiếm lĩnh vị trí cạnh Cầu Mới (Bà Chiểu-Gia Định), trung tâm tuyến một của mặt trận Đông, phía bên phải kéo dài trên đường Hàng Sanh đến tận cầu Thị Nghè, phía bên trái tới cầu Bình Lợi.

Ngày mồng 3 tháng mười năm 1945, từ mặt trận đưa xuống lệnh của ủy ban Việt Minh đang thương nghị với Gracey về một cuộc ngừng bắn, gửi cho tất cả những lực lượng nổi dậy yêu cầu chỉ được chống lại quân Pháp, còn quân Anh và quân Nhật thì để cho qua. Một trò bịa bợm đẫm máu: lập tức những toán quân Án và quân Nhật, được Gracey sử dụng như lực lượng hỗ trợ, đã yên ổn đi qua những vùng do quân nổi dậy kiểm soát và chiếm lấy những điểm hiểm yếu. Quân Pháp theo gót họ đập tan cuộc kháng cự ở Bà Chiểu, Bình Hòa, ở cầu Bình Lợi, trên đường Hàng Sanh về Thị Nghè. Ở cầu Thị Nghè, khoảng hai trăm chiến sĩ Trotskit của nhóm La Lutte đã bị tàn sát.

Sau mấy ngày đương đầu quyết liệt với xe thiết giáp Pháp, các chiến binh Đội Cảnh vệ rút về Bầu Tràm. Ở đó máy bay khu trục đã bỗn nhào xả súng đại liên bắn phá toàn xóm. Mười hai đồng chí bị hy sinh, trong đó có chị Quý, cứu thương của Đội, Thiện, Đông, Trần Quốc Kiểu, Lê Văn Hương và Hồ Văn Đức. Những người còn sống sót rút về phía tây, noi "Sư đoàn ba" chiếm giữ. Để khỏi rơi vào tay Việt Minh, Đội Cảnh vệ đã sáp nhập vào đội quân du kích ấy. Chiến đấu du kích cùng với nó tại phía bên kia biên giới Cao Miên, trong một cuộc phản công của Pháp vào Lộc Giang, đồng chí Trần Văn Thanh đã hy sinh.

Còn Lê Ngọc thì rời chúng tôi để trở về với Đội Cảnh vệ, mang theo một văn bản xác định rõ mục tiêu chính trị của chúng tôi.

Lịnh và tôi nghe cái tin rất đáng ngại rằng mật vụ Việt Minh đã bắt giữ đồng chí Nguyễn Văn Vàng của chúng tôi ở Biên Hòa, ở đó anh đã tổ chức nên một ủy ban của nhân dân, chúng tôi quyết định lên đường đi tìm anh. Ở Biên Hòa, Lịnh thương thuyết với các người Việt Minh. Tôi nấp ở ngoài bãi đợi. Những giờ dài dằng dẵng trôi qua. Cuối cùng, Lịnh nguyordonngùngđiđến. Bọn cai ngục nói một cách quả quyết là họ không biết gì về anh bạn chúng tôi cả. Ít lâu sau chúng tôi được tin anh đã bị hành quyết.

Trở về xóm, chúng tôi được chị em họ tôi báo cho biết mật thám Việt Minh trong vùng hôm nay đã đến dò la tin tức chúng tôi. Phải ra đi thôi. Hôm sau, từ tờ mờ sáng, chúng tôi trao những khẩu súng trường của chúng tôi cho anh Mười và anh Mười Hai của tôi, và cho các cháu Bô và Xứng của tôi, để sử dụng cho đội tự vệ xóm. Chúng tôi bí mật chào từ biệt mẹ tôi. Nam trở về Sài Gòn, còn Lịnh và tôi thì chọn hướng tìm đến với Đội Cảnh vệ công nhân. Lịnh đội chiếc mũ calô màu xanh công nhân của Việt Minh không biết anh ta đã xoay được ở đâu, và dọc đường anh ta đã nhận được những cái chào nhầm tưởng đồng bọn. Chúng tôi gặp được Đội Cảnh vệ công nhân ở Lộc Giang : thật là ấm lòng khi được hòa mình cùng với anh em đồng chí trong cái không khí đoàn kết chiến đấu ấy !

Chúng tôi tổ chức cuộc sống của Đội Cảnh vệ. Chúng tôi hoà mình với bà con nông dân trong vùng, giải thích cho họ biết rằng chúng tôi chiến đấu không phải chỉ để "đuổi Pháp", mà còn là để giải quyết một lần cho xong với địa chủ bản xứ,

dưa ra khỏi vòng nô lệ những người lao động khổ sai của đồng ruộng và giải phóng anh em phu phen.

Nhưng một hôm, máy bay bay lượn trên bầu trời Lộc Giang, báo hiệu sắp có một cuộc tấn công. "Sư đoàn ba" quyết định tháo lui. Đội Cảnh vệ cũng quyết định như vậy. Một số dân làng được trưng dụng cùng với xe bò của họ để giúp cho việc chuyển quân.

Trong cuộc di dời ấy, dọc đường chúng tôi thấy một thằng cha cầm một khẩu súng trường đứng bên cạnh một đống to xe đạp. Tất cả những ai đạp xe đi qua đều phải để lại xe đạp cho hắn. Ai có một khẩu súng trường thì có quyền lực và làm chủ ở nơi mình đứng. Anh em "Sư đoàn ba" đã tước khẩu súng của hắn và hắn đã chuồn thẳng.

Sau khi qua những vùng lầy lội buồn tẻ, đi bộ hoặc ngồi xe bò, cuộc phiêu lưu ba đào của chúng tôi tiếp tục bằng thuyền trên một dòng kênh, giữa cái mênh mông buồn tênh của đầm nước sáng ánh trăng với làn nước trong vắt. Ngay hồi thế kỷ XIX, khi quân Pháp mới tới nước ta, quân nổi dậy đã đặt tổng hành dinh của họ tại vùng Đồng Tháp Mười này. Và bây giờ, xe tăng không vào được đây. Nhưng còn máy bay... Vậy là chúng tôi đã tiến sâu vào Đồng Tháp Mười bằng đường kênh rạch, hàng trăm con người với gia đình vợ con của họ, trên những chiếc thuyền đi theo hàng dọc và những ghe nhỏ. Cuối cùng chúng tôi quyết định thử dừng chân nghỉ lại xem sao tại mấy xóm dân chài lười và nông dân. Tất nhiên họ chẳng lấy gì làm thích thú, chẳng có thêm cái đám người đông như kiến cỏ này thì cuộc sống của họ cũng đã quá chật vật rồi. Chúng tôi vừa mới ổn định chỗ ăn ở thì trên bầu trời trong, một máy bay thám thính đã xuất hiện, và trong những giờ tiếp sau, máy bay

Khu trục Pháp bay đến, nhiêu lần bỗn nhào, thả bom và bắn phá các xóm nhỏ. Những con người khốn khổ đã phải chịu đựng sự có mặt của chúng tôi, than khóc trước những mái nhà lá bốc cháy, lương ăn bị hư hại, vườn tược tan tác. Phải cuốn xéo thôi. Chúng tôi đi sâu hơn nữa, tới giáp Vầm Cỏ Tây.

Đội Cảnh vệ cần có một máy thu thanh. Tôi xuống thuyền cùng với một anh bạn để đi tìm kiếm một cái. Những người lính Việt Minh ẩn trong một ngôi nhà lá bên bờ sông chặn giữ chúng tôi lại. Họ khám chúng tôi, thu khẩu súng lục của tôi cùng với cuốn *Các hội kín trên đất Annam* của G. Coulet. Họ trói hai người chúng tôi làm một đặt ngồi trên một tấm ghế dài qua đêm. Đến sáng, họ dẫn chúng tôi đi sâu vào trong đất, đưa đến chỗ viên chỉ huy của họ. Tôi bị ra chúng tôi là người của "Sư đoàn ba", và không hé răng nói một lời về Đội Cảnh vệ công nhân.

– Chính là các anh đã dọa bắn vỡ sọ mấy anh em trên bờ sông đấy à? Quyển sách này ở đâu ra? Các anh theo đạo gì?

Tôi bị ra :

– Theo đạo Phật.

Mấy anh chàng sai nha đầy chúng tôi xuống chiếc thuyền con đưa chúng tôi sang bờ tả ngạn con sông, nhốt vào một gian đình thờ thần làng biến thành nhà tù. Đã có khoảng ba chục người bị giam giữ tại đó. Trong số đó có hai chị phụ nữ, một người là bà hàng cá còn người kia trẻ hơn bị người cai tù coi là "điên", và bốn người lính Nhật. Không ai trong những người bị giam giữ ấy có vẻ hiểu tại sao mình lại có mặt ở đây.

Tôi bị một cảm giác băng hoàng bất lực khi trông thấy người mà họ bảo là "điên" bị trói chân trói tay vào một cái cọc giữa mặt sân bùn lầy dưới trời mưa như trút. Chị ta rãy rụa đến là kinh:

– Thằng Trọng, nó muốn giết tôi, nó muốn giết tôi... Thằng thày giáo bán thuốc Bắc đó... Nó muốn giết tôi. Tôi đã làm gì để nó cố sức hăm hại tôi như vậy ? Tôi đã làm gì ?

Chẳng bao lâu tôi đã phát hiện được rằng Nguyễn Văn Trọng, kẻ cầm đầu bọn này, đã được đưa lên làm chủ cái vùng này theo ý muốn riêng của Trần Văn Giàu.

Hiểu rằng xe thiết giáp của Leclerc trên đường lao về Mỹ Tho, sắp qua Tân An, Nguyễn Văn Trọng vừa mới rút lui chạy về hậu phương. Để kiểm soát được những gì diễn ra trên sông, hắn tuyển dụng những nhân viên cũ người Việt của Sở Mật thám Pháp. Những tên cớm ấy, sau khi chính quyền thuộc địa bị quân Nhật xóa bỏ, đã thoát khỏi bị cắt cổ trong những ngày Sài Gòn nổi dậy, và trốn về các tỉnh, một số tên xin mang tài ra phục vụ các tên lãnh đạo Việt Minh. Cuộc chạy loạn làm Tân An vắng vẻ hết người. Những gia đình lốc nhốc vợ chồng, con cái chen chúc nhau dưới những con thuyền, ngược dòng sông bỏ chạy. Bọn chân tay của Nguyễn Văn Trọng chọn ra trong đám dân chạy loạn ấy những người theo đạo Công giáo hoặc coi là Công giáo, bởi vì theo chủ mới của họ thì mọi người Công giáo đều theo giặc. Để khẳng định quyền uy của hắn, Nguyễn Văn Trọng cần có những tù nhân để hắn thực thi quyền sinh sát của mình.

Những tiếng súng nổ làm chúng tôi tưởng là có quân Pháp tấn công. Nhưng đó là cuộc hành quyết ba người Công giáo. Lúc này đây tôi sẵn sàng đón đợi mọi chuyện có thể xảy ra với mình. Với một mảnh giấy và một mẩu bút chì không hiểu sao còn giữ được, tôi nguệch ngoạc viết vội số lược về quá khứ đấu tranh của tôi chống lại chế độ thuộc địa và sự tiếp tục chiến đấu của tôi trong hàng ngũ Đội Cảnh vệ công nhân các xưởng

xe điện Gò Vấp. Tôi giữ mẩu giấy ấy trong người, như một dấu tích để lại, nếu đòi tôi phải chấm hết tại đây.

Một đêm kinh hoàng... Qua tấm vách gỗ, chúng tôi nghe những tiếng quát: "Nhận đi là mày làm gián điệp cho Pháp, nhận đi!", tiếp theo là tiếng bình bịch những gót chân nện vào lưng, đâu gối thúc vào ngực, quả đấm thoi vào mặt; chúng tôi nghe thấy những tiếng rú đau đớn của một người đàn ông, hòa lẫn những tiếng kêu kinh hoàng của một đứa trẻ con, tiếng khóc xé ruột của một người đàn bà. Và cứ như thế suốt đêm. Những lời duy nhất chúng móc được trong họng người ta ra chỉ là: "Oan uổng quá ! Trời ơi, đất ơi !" Hôm sau, chính tên tra tấn và tên canh gác chúng tôi (tôi thầm gọi chúng một tên là Đầu Trâu, một tên là Chó Ngao, theo hình tượng những con vật quý sứ dưới địa ngục), điều tra trong đám những kẻ tố cáo là hai tên cớm cũ của Sở Mật thám Pháp được Trọng tuyển mộ vào tổ chức do thám của hắn. Để lập công với chủ mới, chúng đã phát hiện ra một ổ gián điệp trên sông ! Trong một manh thuyền ở đó sống chen chúc hai vợ chồng nông dân nghèo khổ cùng với đứa con nhỏ và một ít thóc lúa, các tay chân của Trọng đã "khám phá" ra mấy cuộn chỉ xanh, trắng, đỏ – ba màu cờ tam tài của Pháp – giấu dưới một đống khoai lang. Những con mồi mới cho tên tra tấn.

Hai hôm sau, chúng tôi được tham dự việc xử tử một trong hai tên cớm phạm tội vu cáo. Họ đã tập hợp tất cả những người bị giam giữ và một đám đông dân làng đến dự cảnh tượng ấy. Xẩm chiều, tên đồ tể, lực lưỡng, minh trân trùng trực, tay cầm khẩu súng lục, dẫn người bị hành quyết ra một bãi trống, hai tay bị trói sau lưng. Người ấy bị bịt mắt. Vây quanh bởi đám đông im lặng của những người chứng kiến, người ấy nghe Chó

Ngao tuyên bố lệnh tử hình. Một bộ phận đám đông vỗ tay một cách hèn hạ. Quay về phía những người nông dân bị tra tấn đêm hôm trước, Chó Ngao trịnh trọng trao cho họ tờ giấy bạc 100 đồng coi như tiền bồi thường.

Tôi quay mặt đi. Một tiếng nổ đanh... Người bị hành hình quỳ dưới đất đổ sụp xuống, dãy dụa. Máu đỏ toé ra từ cái đầu bị vỡ toác, thấm dẫm lớp cổ bị xéo nát.

Ba hôm sau, đến lượt tên đồng loã của hắn, cũng tại chỗ ấy, và cũng với lớp cù tọa xóm trờ ấy. Mắt bị băng kín, kẻ khốn khổ bị đặt quỳ, cách ba mét trước mặt mình là Đầu Trâu, cũng quỳ, trong tư thế bắn, nòng khẩu súng trường nhắm vào ngực nạn nhân. Cách, đạn không nổ, nạn nhân giật bắn mình. Người ta lột cái áo ngoài màu xanh của hắn ra. Mình hắn chỉ còn chiếc áo may ô trắng bẩn thỉu. Đến phát thứ ba thì nạn nhân đổ gục xuống. Chó Ngao tay cầm súng lục, cúi nhìn xuống người đang hấp hối và tương cho hắn một phát đạn vào đầu. Chân nạn nhân còn khẽ co giật, Chó Ngao bắn một phát nữa. Gia đình nạn nhân bọc thi hài trong một cái chiếu, đem chôn cạnh mộ người bị bắn hôm trước, trên bãi đất hoang gần sông.

Ít bữa sau, cái nơi hành hình đó cố khoác lên mình một không khí ngày hội. Một bàn thờ Tổ quốc to tướng được dựng lên tại chính bãi đất hoang ấy để góp phần trò hề vào lễ đón tiếp người chủ Việt Minh của tỉnh, Nguyễn Văn Trọng. Hắn đến thành một đoàn long trọng với quanh mình là đám tay chân tùy tùng khum núm lễ phép. Hắn bắt chước một cách hơi quá đáng những tên chủ tỉnh Pháp đi kinh lý vùng nông thôn. Chúng tôi nghe hắn ta rống lên một bài thuyết giảng nảy lửa bằng một thứ giọng tầm vông vót nhọn, thể hiện những tiếng than khóc của bà con của Tổ quốc khóc bà mẹ đau ốm. Sau

buổi lễ, khi Nguyễn Văn Trọng đến gần đám tù nhân chúng tôi, ông bạn tôi bạo gan yêu cầu hắn trả lại tự do cho chúng tôi. Hắn quát vào mặt chúng tôi :

– Các người hãy nêu coi là may mắn mình còn sống !

Rồi một hôm bọn coi tù đến gặp tôi và anh bạn tôi. Chúng tôi cố làm ra vẻ thản nhiên, nhưng trong lòng rất lo. Chúng tôi ngồi thuyền ngược sông Vàm Cỏ hai ngày và một đêm. Rồi chúng tôi bị nhốt trong một nhà thờ mái lá bên bờ sông Soài.

Tôi bồi hồi xúc động thấy anh bạn Thu, một nhân viên kinh lý ở Mỹ Tho, cũng bị giam ở đấy. Anh ta kể với tôi rằng Việt Minh đã bắt giam anh vì anh đã giúp đỡ bà con nông dân tước đoạt và chia nhau rộng đất của những kẻ bóc lột họ. Nghĩa là anh ta đã phạm vào điều cấm mà đảng cộng sản phái Stalin đã "ban bố" sau khi lên nắm chính quyền hồi tháng tám, cấm không được động chạm đến tài sản của địa chủ. Cùng bị bắt với anh ta có những người cảm tình khác của nhóm La Lutte. Trong khoảng bốn chục người bị giam trong cái nhà thờ được biến thành nhà tù ấy, cũng có một số viên chức cũ của chế độ thuộc địa.

"Thế là thế nào nhỉ, thời Pháp ông vào tù, bây giờ thời Việt Minh ông cũng lại vào tù là thế nào?", một anh chàng già già hỏi tôi như vậy. Tôi nhận ra ông ta là viên thư ký tòa chủ tỉnh Trà Vinh cách đây bốn năm đã ghi tên tôi vào sổ khi tôi mới đến để chịu quản thúc.

Chúng tôi không làm sao bắt liên lạc được với người nữ tù nhân duy nhất bị giam riêng biệt. Cô ta bị bắt vào đấy hình như vì có quan hệ với bọn Pháp. Có những đêm tên coi tù của chúng tôi – một người tù Côn Đảo về – triệu cô gái khổn khổ ấy vào trong ổ của hắn phía sau nhà thờ để "hồi cung".

Tại cái nơi xó xỉnh thì làm gì có đồng hồ. Chỉ xem nắng mà đoán giờ. Sáng sáng, người gác kéo lá cờ lên cột cắm ở giữa sân. Vài chàng trai hát bài ca ái quốc Lên Đàng, tôi và các bạn nhóm La Lutte hát bài Quốc tế ca. Chúng tôi ở ngoài sân cho đến tận lúc ăn trưa. Sau đó ở ngoài trời cho đến sẩm tối lại bị nhốt lại. Nằm chen nhau như cá hộp, chúng tôi ngủ trên những tấm chiếu trải xuống nền đất nện. Ban ngày khi có tiếng máy bay mọi người chui tất cả vào trong nhà thờ.

Thu và vài anh bạn luyện võ nội công với ý đồ để có sức đánh bại bọn canh giữ chúng tôi mà chạy trốn. Một hôm trời nắng chói chang, bọn gác cho chúng tôi ra tắm ở dòng sông Soài, tôi nhảy xuống làn nước trong vắt. Tôi bơi chó ùm ùm, cố giữ mình nổi trên mặt nước thì bỗng hiện ra một đoàn thuyền chở đầy quân... Rồi chợt có tiếng gọi: "Anh Đức!" (Đức là tên tôi dùng ở trong Đội Cảnh vệ). Lạy trời! Có ai đó giơ tay lên, một thuyền tách ra khỏi đoàn đến áp mạn bên tôi. Mừng quá! Vậy quanh tôi là các bạn Đội Cảnh vệ công nhân. Họ hành quân bằng thuyền về phía tây cùng với "Sư đoàn ba". Tôi vội kể họ nghe về chuyến đi ba đào của tôi và báo tin có một số anh em nhóm La Lutte trong đám tù nhân. Chia tay với tôi, họ dặn: "Chúng tôi sẽ trả lại tím anh". Và quả vậy, hôm sau tôi và anh bạn tôi đã được giải thoát sau cuộc can thiệp kiên quyết của những người chỉ huy "Sư đoàn ba" với Nguyễn Văn Trọng. Đơn giản chỉ là vấn đề tương quan lực lượng.

Các bạn ở Đội Cảnh vệ cho tôi biết tin Lê Ngọc, Lê Ký và chàng trai Nguyễn Văn Hương đã chết. Ba anh đã chia tay với họ để đi phục hồi lại một cơ sở ở Sài Gòn. Dọc đường, họ bị một đội tuần cảnh Pháp bắt được đem tổng giam và khi được thả ra, họ đã bị Việt Minh trong vùng hành quyết cả ba với tội trạng là Việt gian.

Rồi chúng tôi phát hiện được rằng bọn cai ngục cũ của tôi đã chuyển tất cả những người bị giam trong nhà thờ xuống một con thuyền lớn biến thành nhà tù trên sông. "Sư đoàn ba" khám cái thuyền nhà tù. Được giải thoát, các tù nhân Việt Minh, trong đó có các bạn nhóm La Lutte, gia nhập quân số của "Sư đoàn ba". Chúng tôi vẫn đang ở Đồng Tháp Mười, trên mặt trận giữa Sa Đéc và Mỹ Tho nơi đoàn xe bọc thép của Leclerc đang xông tới.

Kiệt sức vì bệnh lao, tôi cảm thấy mình là một gánh nặng cho Đội Cảnh vệ. Nhìn tình trạng ọp ẹp của tôi, một đồng chí – Nghi – đề nghị tôi nên về Sài Gòn. Chúng tôi phải đi ngược lại con đường qua Đồng Tháp Mười. Hết đi bộ lại đi thuyền trong khoảng mênh mông đầm nước, chúng tôi đã tránh được những chặng kiểm soát của Việt Minh, và ẩn nấp được khi các đội tuần tra Pháp áp đến. Hai bên đường, những xác nhà cháy, những bộ xương cây ăn quả đổ âm thầm kêu lên nỗi thống khổ của những xóm làng hoang vắng. Đây đó, những nấm mồ đất còn rất mới thỉnh thoảng có cắm những bản con con ghi tên người tử nạn. Trong một xóm nọ còn những di tích của một chiến lũy sơ sài: những bao cát, những bó lá mủ cây cao su... Chúng tôi được vài bà con dân làng còn sống sót kể chuyện quân Pháp đã qua đây bằng xe tải và bắn phá dọc đường. Đội quân tái chiếm thuộc địa đã qua khắp nơi.

Chúng tôi đi chủ yếu vào ban đêm, ăn mía trừ cơm. Ở phía bên kia sông, chúng tôi rơi vào một toán vũ trang họ bắt giữ chúng tôi lại. Đến sáng xuất hiện một anh chàng cao lớn chẳng lạ lẫm gì đối với tôi. Anh ta hỏi tôi: "Cậu ở đâu ra thế này?" Đó là Minh, biệt danh Minh Lội, trước ở trong nhóm Tạ Thu Thảo: toán du kích độc lập của anh ta kiểm soát khúc sông

này. Minh cho tôi biết chuyện Việt Minh tàn sát ba chục người bị bắt, trong đó có những người thuộc nhóm La Lutte, tại chiến khu Bến Súc hồi tháng mười 1945, khi quân Pháp tiến đánh Thủ Dầu Một. Trần Văn Thạch trước khi bị đưa ra hành quyết đã trao chiếc đồng hồ đeo tay, đôi kính và một cuốn sổ tay của mình cho anh lính gác trẻ tuổi – trước là một học trò của anh – nhờ trao lại cho anh mình. Trong những người bị bắn có Nguyễn Văn Số, Phan Văn Chánh, những người mà những kẻ phái Stalin đã cùng cộng tác trong nhóm La Lutte từ 1934 đến 1937, ngoài ra còn có Nguyễn Văn Tiên, mới từ Côn Đảo về, Ngôn, một người thợ xưởng sửa chữa tàu và nữ bác sĩ Nguyễn Ngọc Sương, người hình như đã yêu cầu tên sát nhân hãy nhầm đúng tim mình mà bắn. Chúng tôi lên đường đi tiếp, lòng nặng chűi vì những gì mới được biết.

Cuối cùng, chúng tôi đến chỗ người em họ của Nghì vào lúc xẩm chiều. Nghì đi ẩn chỗ khác và trao tôi cho người em họ của anh ta, anh này hàng ngày đưa tôi xuống ẩn trong chiếc thuyền đánh cá của mình. Đó chính lại là chỗ ẩn nấp kín đáo nhất. Tôi nằm bẹp dưới mái thuyền trong khi ông chủ nhà của tôi quăng lưới. Thuyền bồng bềnh theo dòng nước không xa bờ. Điều đó cho phép chúng tôi khi cần có thể lẩn mất tăm vào những kênh rạch đổ ra sông. Đôi lúc, nghe thấy những tiếng nổ, chúng tôi lại chạy lên bờ nấp vào những rặng tre. Anh bạn tôi liên tục cho tôi thuốc lá để giúp tôi chịu đựng được mùi hôi thối của vô số những xác chết nổi lèn bềnh trôi theo dòng nước dọc các bãi, xác thì không có mặt, xác thì bị trói. Họ là ai? Họ từ đâu đến? Họ ngã xuống vì đạn của bên nào?

Một trưa nọ, Linh xuất hiện, đi cùng với Nghì. Thấy anh ta, lòng tôi ấm hẳn lên. Anh ta mang đến cho tôi tin tức

Sài Gòn và... thuốc lá. Cả ba chúng tôi lại lên đường hướng tới thành phố đang ở trong tình trạng chiến tranh. Chúng tôi qua một làng ngay sau khi quân Pháp vừa qua: chúng đã xếp hàng dân làng ngồi xổm dọc một bờ sông và xả súng liên thanh bắn gục.

Chúng tôi tới Sài Gòn sau hai ngày đi đường.

## HƯỚNG TỚI NHỮNG BỀN BỜ KHÁC

Ở Sài Gòn, Lịnh đưa tôi đến nhà một người quen của anh là Dzu, một luật sư nổi loạn, anh này có thể cho tôi ẩn nhờ một thời gian. Nhưng gia đình anh ta, một gia đình tư sản, thì sợ chết khiếp vì sự có mặt ở trong nhà một người "ở chiến khu về". Trong ngôi biệt thự sang trọng, tôi sống ru rú trong một căn buồng nhỏ khuất. Dzu không bao giờ có mặt ở đây. Trưa và chiều, một người đầy tớ đến mời tôi ra ăn cơm. Không khí quanh bàn ăn là một không khí im lặng. Tôi ăn mau mau chóng chóng rồi chuồn, sau khi đã đặt bát đũa xuống theo đúng phép tắc. Một hôm chị Hai đến thăm tôi. Tin tức quê nhà thật kinh khủng.

Chị kể cho tôi nghe bọn tình báo phản gián Thủ Đức, trước lúc tháo chạy khi quân Pháp đến, đã lôi đi giết một anh da đen già chúng tôi quen biết. Con người sinh ra ở đảo Antilles ấy, sau khi được giải ngũ ra khỏi quân bộ binh thuộc địa, đã về vùng tôi ở, lấy một cô vợ Annam, và làm ruộng ở đó.

Một hôm, tờ mờ sáng, xóm làng bừng tỉnh khi nghe thấy những tiếng kêu "Tây tới!" và "Tây bố!", tiếp theo là những tiếng đạn rocket nổ. Những bụi tre bị bùng gốc bay đi tùng khóm một. Ai nấy chạy nhào tào tinh thóe ẩn nấp. Bọn giết người mang quân xông tới, bới tung lên lục soát nhà lá, cũng như nhà ngói, phá tú, đập đổ bàn thờ tổ tiên, làm tanh bành ngôi

dình thờ thành hoàng. Chúng dồn dàn bà, trẻ con, ông già bà cả ra bờ đường. Đàn ông chúng bắt được ở những nơi ẩn nấp bị chúng lôi ra Cầu Sắt bắn chết, xác quăng xuống sông. Chúng xả súng bắn vào những bà con đang làm trên đồng ruộng. Anh Mười Hai nhà tôi đã trốn thoát, đâu gối trúng một phát đạn. Ông hàng xóm nhà tôi lần mò đêm hôm định nhặt xác em trai mình bị ám sát chết ngoài ruộng bâu; một quả lựu đạn gài bẫy dưới xác chết đã nổ, xé tan xác con người khốn khổ.

Chị Hai tôi cũng trông thấy trước cổng chợ Gò Dưa những đứa bị chặt và cắm vào cọc rào của một đồn binh Pháp. Nghe nói chỉ có một người dân ở đó đã cầm rựa chống cự lại bọn đi tàn sát. Người đó lập tức bị bắn gục.

Trong một không khí cực kỳ tàn bạo ấy, khủng bố của bên này tiếp theo với khủng bố của bên khác, tôi hiểu rằng chị tôi cố thuyết phục tôi không nên vê làng.

Cuối cùng thì tôi đã có thể không phải nhờ đến lòng hiếu khách, gây cho mọi người lúng túng của vị luật sư tốt bụng để đến rúc vào nhà Sứu, một chỗ ẩn mới mà Linh kiếm ra được ở tầng gác một căn nhà giữa trung tâm thành phố đang ở tình trạng thiết quân luật. Tôi cảm thấy thoải mái tự nhiên hơn, được sống với hai người bạn khác, cũng là dân hoạt động bí mật. Thỉnh thoảng, ông chủ nhà lại làm chúng tôi lác mắt với một chai rượu chát đỏ nặng (chúng tôi chưa bao giờ uống rượu chát) mà anh đã moi được ở chợ đen, một quán rượu là nơi bù khú của lính tráng đoàn quân viễn chinh.

Lúc đó đang là đầu tháng ba 1946, giữa lúc quân Pháp đang ô ạt đổ vào. Qua nhà Sứu, chúng tôi được biết những gì đang diễn ra trong thành phố. Tại Sài Gòn, "nước Pháp mới" đang làm tình làm tội vài người Pháp thân thiện với dân bản xứ. Bọn

nhà binh đã đến đấm đá túi bụi vị chủ bút tờ báo xã hội *Justice* (Công lý) vì đã tố cáo những chuyện tác oai tác quái của lính tráng đội quân viễn chinh. Họ đã phá tanh bành nhà ở của ông ta cũng như nhà in và trụ sở tòa báo. Một nhóm người Pháp ở Sài Gòn, "Nhóm văn hóa macxit", hoạt động bán công khai, đã phát ra một kiến nghị ủng hộ nền độc lập của Việt Nam. Một nữ nhân viên trẻ tuổi AFAT (nữ trợ tá của lục quân Pháp) đã bị dẫn đi, giữa hai người lính dù cầm roi ngựa kẹp hai bên, dọc phố Catinat vào lúc 6 giờ chiều, đầu cạo trọc, tay bị trói, lưng đeo một tấm biển đề: "Tôi là một trong những người ký vào bản kiến nghị macxit".

Ban đêm, Sửu nghe trộm trên chiếc máy thu thanh bất hợp pháp của mình những tin tức phát đi từ nước ngoài. Chắc có kẻ tố cáo cho nên một sấm nổ, bọn cớm xông vào. Tôi bắt đầu đã quen với những chuyện ấy: tôi đã giấu hết được giấy má của tôi. Sau khi làm lộn tung phèo lên tất cả, chúng tịch thu chiếc máy thu thanh và đưa chúng tôi đến Sở Mật thám. Chúng tôi bị tập trung ở ngoài sân cùng với khoảng năm chục người nào đó. Khoảng trưa, sau khi kiểm tra cẩn cước, họ thả chúng tôi về.

Tôi gặp lại được Nguyễn Văn Linh sống tạm cùng với bố mẹ già vừa mới trốn chạy khỏi làng sau chuyện lính tráng Pháp giết hại anh con trai của ông bà và đốt phá nhà ông bà. Nguyễn Văn Nam chưa tôi một thời gian. Người con bất kham ấy tinh khôn báo cho tôi biết cha anh ta đã bị những người nổi dậy hành quyết vào tháng chín 1945. Tin về cái chết của người được mệnh danh là "Hùm xám Chợ Lách", một tên quan nổi tiếng vì đã tra tấn các nông dân nổi dậy những năm 1930, đã không làm tôi ngạc nhiên. Cái lều của Nam, khuất xa phố xá,

với những hàng dừa hàng chuối bao quanh, là nơi trú ngụ bán công khai của chúng tôi.

Tôi gặp Lư Sanh Hạnh ở đó. Bị bọn tình báo phản gián tống vào tù hồi tháng chín, anh chờ đợi bị đưa ra xử trước một "tòa án nhân dân" của Trần Văn Giàu thì một sự ngẫu nhiên đã cứu anh: quân Anh chiếm Khám Lớn đã trao anh cho Sở Mật thám Pháp. Họ đã thả anh ra vài tháng sau.

Lưu Khánh Thịnh, ở Đội Cảnh vệ công nhân, mới trở về từ Đồng Tháp Mười, cho chúng tôi biết tin anh bạn Trần Đình Minh của chúng tôi đã hy sinh trong chiến đấu đầu hồi tháng giêng 1946, và các anh em còn sống sót đã giải tán sau cuộc đầu hàng có điều kiện của "Sư đoàn ba" ở Sa Đéc.

Tôi đang rất ngượng ngùng phải sống bám vào anh em thì Lưu Khánh Thịnh kéo tôi ra khỏi bước khó khăn. Anh đưa tôi vào làm thông ngôn và nhân viên cạo giấy cho một nhà buôn Tầu đang muốn mở một văn phòng ở Sài Gòn. Người Tầu kiêm cho tôi một chỗ ở, tại đường Richaud, gần nơi làm việc. Dưới biển hiệu một häng xuất nhập khẩu, ông chủ tôi giành được độc quyền phân phối muối nhập từ các ruộng muối Phan Thiết nhờ có sự móc ngoặc với viên công sứ Pháp vùng ấy. Công việc buôn bán của ông ta được kết hợp với việc chuyên chở các sản phẩm được phân phối theo định lượng. Nhờ đút lót, ông đã giành phần nào độc quyền trong việc chuyên chở hàng từ Sài Gòn đi Phan Thiết bằng đường xe lửa, các đoàn tàu hỏa lúc ấy phải có quân Pháp đi hộ tống. Ông cũng đúc lót với một viên thanh tra Sở Mật thám, nó đổ về nhà ông những sản phẩm biển thủ từ chương trình viện trợ nhân đạo: những bao bột mì, những kiện chăn, v.v...

Tôi chưa bao giờ cặp kè gân guốc như thế với thế giới thù địch, thế giới tiền bạc và quyền lực. Một lần, ông chủ tôi có một cuộc hẹn gấp với viên phó công sứ Phan Thiết, tôi đã ngồi cùng bàn với cái tên cõi bụt ấy của chính quyền thuộc địa. Người Tầu biểu hán một chiếc đồng hồ Thụy Sĩ sang trọng, và được nhận lại quả... một đồng.

Nhóm chúng tôi băn khoăn lo lắng không biết cái "Công xã" thợ mỏ ở Hòn Gai-Cẩm Phả ngoài Bắc hiện nay ra làm sao rồi. Lưu Khánh Thịnh, gốc gác ở ngoài Bắc, đã xoay sở nhận được tin tức: phong trào vẫn chỉ là đơn lẻ, cho nên rất dễ bị đập tan. Để bao vây khu mỏ, quân đội của chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đã được phái tới dưới sự chỉ huy của Nguyễn Bình, ông này đã vin vào lý do phải đoàn kết dân tộc mà chất vấn anh em thợ mỏ, nhưng để xoa dịu họ, đã hứa sẽ duy trì một nguyên trạng nào đó. Nhưng tình hình không kéo dài bao lâu: không những ông ta đã cho bắt tất cả những đại biểu được bầu của công nhân trong đó có Lan, Hiền và Lê, mà còn cho thay ngay các Hội đồng bằng một hệ thống cai trị của Việt Minh. Và, sau ba tháng tự trị và sáng tạo, khu mỏ đã được đặt dưới trát tự quân sự cảnh sát của "Nước Cộng hòa dân chủ".

Các phong trào tự trị của nông dân ngoài Bắc cũng chịu một số phận tương tự. Tại các tỉnh Bắc Ninh, Thái Bình của Bắc Kỳ, Nghệ An và Thanh Hóa của miền bắc Trung Kỳ, bà con nông dân, dưới sức ép của nạn đói chưa được khắc phục và nhớ lại khẩu hiệu của Đảng Cộng sản Đông Dương hồi 1930 "ruộng đất thuộc về dân cày", đã khước từ cái đoàn kết dân tộc của Việt Minh với địa chủ, và đã thúc đẩy các ủy ban nhân dân đi tới chỗ tịch thu tài sản của kẻ giàu và hoàn lại ruộng đất cho

họ : các người này, họ sẽ biết làm cho ruộng đất sản xuất ra được nhiều hơn và mùa màng thu hoạch được sẽ không phải để đầu cơ. Nhưng ở đây cũng vậy, Hồ Chí Minh chẳng mấy chốc đã dẹp bỏ mọi sáng kiến. Một thông tri tháng mười một 1945 gửi ủy ban các tỉnh quy định "đồng ruộng, đất trống trot không được đem ra chia". Thông tư số 63 về "tổ chức chính quyền nhân dân" tuyên bố thiết lập lại một hệ thống cai trị hình chóp như hệ thống của Việt Minh : ban chấp hành mỗi địa phương phải chịu trách nhiệm thi hành các mệnh lệnh của chính phủ, và mỗi cấp của hệ thống hình chóp sẽ kiểm soát cấp trực tiếp ở bên dưới mình. Vậy là hệ thống cai trị của Việt Minh đã sử dụng lực lượng cảnh sát của mình lấy biện pháp quân sự để bắt phải trả lại ruộng đất và tài sản cho địa chủ.

Qua cùng một nguồn tin ấy, chúng tôi được biết rằng, cũng vào thời gian ấy, đảng thân Stalin đã kêu gọi chém giết chúng tôi. Tờ *Cờ Giải phóng*, cơ quan của đảng cộng sản ở Hà Nội, trong số ra ngày 23 tháng mười 1945 đã hò hét : "Phải tiêu diệt không chậm trễ bè lũ Trotkit". Qua việc này, chính đảng nói trên đã làm đúng cái mà Nguyễn ái Quốc (sau này là Hồ Chí Minh) lúc ấy đang ở Trung Quốc, căn dặn trong ba bức thư ông ta gửi "các đồng chí thân yêu" của ông ta ở Hà Nội hồi tháng năm 1939, và vạch ra với họ theo giọng Vichinsky "bộ mặt ghê tởm của chủ nghĩa Trôtski và của bọn Trotkit". Trong một bản báo cáo gửi cho Quốc tế cộng sản, ông ta đã viết : "Đối với bọn Trotkit không thể có bất cứ sự hòa giải và nhân nhượng nào. Phải bằng mọi cách vạch mặt chúng là tay sai của chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về mặt chính trị".

Các nhà hoạt động ủng hộ Đệ Tứ Quốc tế bị giết hại thảm tay ở Miền Bắc.

Ở trong Nam, Dương Bạch Mai, người cầm đầu bọn mật thám, trước lúc chạy trốn khỏi Biên Hòa khi quân Anh – ấn kéo đến hồi tháng mười 1945, đã cho bắt người Trotskit Phan Văn Hùm, người cùng bị giam với mình ở Côn Đảo, và anh bạn Nguyễn Văn Vàng của chúng tôi (người đã ra sức thành lập các ủy ban nhân dân), cũng như Lê Thành Long, thông tín viên của tờ *La Lutte*; trong khi đó, những chiến sĩ khác của Đệ Tứ Quốc tế bị tay chân của ông ta sát hại ở chiến khu Bến Súc, như tôi đã được tin khi đi qua nơi đã diễn ra cuộc thảm sát.

Ở Sài Gòn, để nắm trong tay quyền lực không chia sẻ, Trần Văn Giàu cho thủ tiêu các người quốc gia và những người đứng đầu các giáo phái. Phát biểu về nhà lãnh đạo Mặt trận quốc gia thống nhất Hồ Văn Ngà mà cơ quan mật thám của ông ta đã giết hại, Trần Văn Giàu trả lời phỏng vấn của nhà sử học Daniel Hémery năm 1979, đã trang tráo đến mức tuyên bố Hồ Văn Ngà là một trong số các người bạn của ông ta: "Họ trước hết là những người theo chủ nghĩa quốc gia. Họ không phải là những kẻ bị mua chuộc, đó là những người trong sạch".

Nguyễn Văn Chuyển, một anh bạn ở Đội Cảnh vệ công nhân từ Sài Gòn về kể cho tôi nghe về chuyến đi đầy mạo hiểm của anh qua vùng Hòa Hảo ở châu thổ sông Cửu Long. Sau khi đoàn xe bọc thép của Leclerc tiến vào Cần Thơ, quân Hòa Hảo tập hợp dưới quyền Năm Lửa, thủ lĩnh của họ mà ngẫu nhiên tôi đã được gặp một lần hồi làm việc ở vùng châu thổ, đã lao vào những cuộc trả thù tàn sát và dìm chết tập thể các người Việt Minh. Đó là hậu quả việc đàn áp Hòa Hảo của Trần Văn Giàu, sau cuộc bắt hụt Sư thây của họ hồi tháng chín 1945. Tuy nhiên, điều đó không ngăn cản các người Hòa Hảo chiến đấu

chống quân Pháp và phục kích chúng. Giáo phái ấy đã thành một quyền lực trên thực tế dọc sông Hậu, trong các vùng Cần Thơ, Sa Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc, đến tận biên giới Cao Miên. Nhưng đến tháng tư 1947, sau khi Việt Minh ám sát ông Đạo Khùng, quân Hòa Hảo đã đầu hàng Pháp và nhập vào những lực lượng quân bổ sung của đội quân viễn chinh.

Vào tháng mười 1945, trong khi những nhóm vũ trang Cao Đài đương đầu với xe thiết giáp của Leclerc tại vùng rừng Tây Ninh, cơ quan tình báo đã bắt giữ thủ lĩnh Trần Quang Vinh của họ. Vượt được ngục, nhà sư Cao Đài đã phải đầu hàng chính quyền thuộc địa vào tháng năm 1946. Ít lâu sau, vài nghìn tín đồ của ông ta, do các sĩ quan huấn luyện Pháp tổ chức thành các "đội lưu động" và đưa đến cuộc giết chóc, đã tham gia vào các chiến dịch "bình định" bên cạnh các đơn vị quân Pháp.

Chiến tranh Đông Dương, xảy ra vào tháng chín 1945 ở Nam Kỳ, chỉ bùng lên ở miền Bắc vào tháng chạp 1946. Hiệp ước 6 tháng ba 1946 – một cuộc thương lượng bíp bợm với Hồ Chí Minh qua đó "Nước Pháp mới" công nhận Việt Nam là một "quốc gia tự do" trong Khối Liên hiệp Pháp – cho phép đoàn quân của Leclerc tiến vào Hà Nội "không phải nổ một phát súng" và chiếm được những điểm hiểm yếu chiến lược của đất nước. Còn việc thống nhất quốc gia – sự hợp nhất ba Kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ) – thì sẽ được thực hiện thông qua một cuộc trưng cầu dân ý. Thực ra thì bọn xâm lược tìm mọi cách để tách Nam Kỳ ra. Ở Sài Gòn, cao ủy Thierry d'Argenlieu tập hợp những tên thực dân thâm cǎn cố đế và những người tư sản Annam vào một Hội đồng tư vấn có nhiệm

vụ chỉ định một người trong bọn họ ra đứng đầu chính phủ lâm thời của "nước cộng hòa Nam Kỳ", một sự cải biên che mắt thế gian của chế độ thuộc địa cũ.

Chúng tôi không thể làm gì khác là theo rỗi tình hình trong khi chờ đợi biết mình sẽ bị xơi tái kiểu nào và cuộc tiến công sắp tới là ra sao.

Trong Sài Gòn dưới sự kiểm soát của Sở Mật thám Pháp và chịu sự chi phối của phong trào ly khai mang tính chất cảnh sát của giai cấp tư sản Nam Kỳ, các hoạt động phá hoại và khủng bố của Việt Minh triển khai mạnh. Một ngày tháng tư 1946, kho đạn nổ tung, bốn nghìn tấn đạn cát giữ trong cái kho trên bờ kênh Avalanche nổ âm âm trong ba ngày liền, san bằng các khu phố lân cận.

Hai thành viên của Hội đồng tư vấn bị bắn gục. Điều đó không ngăn cản bác sĩ Thinh tuyên bố thành lập "nước cộng hòa Nam Kỳ" ngày mồng 1 tháng sáu 1946 trên thềm nhà thờ lớn Sài Gòn và giới thiệu với các nhà tư sản trước sự có mặt của các quan chức Pháp, thành phần chính phủ của ông ta. Các bộ trưởng của ông ta là những ai? Là một lũ chó canh nhà của chính quyền thuộc địa; viên thẩm phán Trần Văn Tỷ – xét xử tội hối 1936 – là bộ trưởng bộ Tư pháp; Nguyễn Văn Tâm, tức "Hùm xám Cai Lậy", nổi tiếng vì tra tấn nông dân nỗi dậy trong các năm 1930, phụ trách An ninh nội địa. Sự khinh ghét ra mặt của thực dân đối với cái chính phủ Annam bám đít chẳng có tí quyền hành gì ấy chẳng bao lâu đã làm bác sĩ Thinh mất tinh thần. Ông ta treo cổ tự vẫn vào tháng mười một 1946. Một người tư sản khác, bác sĩ Lê Văn Hoạch (một chức sắc Cao Đài) lên thay ông ta. Cái chính phủ ấy đã đóng trong

một năm vai trò là cái đuôi cảnh sát của chính quyền thuộc địa được tái lập.

Trong Sài Gòn, ngày cũng như đêm, từng lúc lại vang tới những tiếng nổ xa xa, tiếng súng máy liên hồi, những tiếng vọng rầm rì của các cuộc chạm trán giữa quân du kích và binh lính đội quân viễn chinh. Trong nội thành, cảnh sát và mật thám tung hoành cũng như thiết quân luật đã không ngần cản được thỉnh thoảng lựu đạn lại nổ trong các khách sạn, rạp chiếu bóng hoặc những nhà hàng người Âu thường lui tới.

Các trận càn quét reo rắc kinh hoàng trong các vùng ở quanh Sài Gòn-Chợ Lớn. Đi theo xe tải chở muối về Chợ Lớn, một hôm tôi qua gần một trại rào giây thép gai, nơi quân Pháp tổng bừa vào những người chúng bắt được trong các cuộc càn quét. Mỗi lần chúng lại giết một chục người để làm gương. Trong đám xác chết có xác một thằng bé tay còn cầm một mẩu giấy, chắc là giấy ghi tên và địa chỉ của nó.

Một buổi sáng nọ, tôi được chứng kiến một cảnh rùng rợn diễn ra gần nơi làm việc: người ta khiêng ra từ trong một căn nhà người Việt nhiều thi thể máu me bê bết. Tin đồn gán những vụ giết người ấy cho các đội biệt động của Nguyễn Bình, tên thật là Nguyễn Phương Thảo, một phái viên của Việt Minh ngoài Bắc. Ông ta là người mới theo Việt Minh và được Hà Nội giao cho nhiệm vụ giải tán Công xã thợ mỏ ở Hòn Gai-Cẩm Phả hồi cuối 1945. Giờ đây chính ông ta sẽ nắm trong tay cuộc kháng chiến ở Miền Nam.

Nguyễn Bình có nhiệm vụ thu phục những nhóm vũ trang Bình Xuyên, họ trong khi đương đầu với đội quân viễn chinh vẫn giữ một thế tự trị đối với Việt Minh. Thủ lĩnh Ba Dương

của họ đã có những cuộc tiếp xúc với các người lãnh đạo theo chủ nghĩa quốc gia. Vào năm 1946, quân của ông ta trong chiến khu có khoảng một nghìn hai đến nghìn ba trăm người được vũ trang đầy đủ, chia thành bảy đại đội đặt dưới quyền chỉ huy của Ba Dương, Mười Trí, Bảy Viễn, Năm Hà và Tư Ty. Để nãm được họ, Nguyễn Bình đã phong một người trong đám họ, Bảy Viễn, làm chỉ huy phó lực lượng vũ trang của Kháng chiến, trong khi ông ta cài các chính ủy Việt Minh vào trong hàng ngũ quân Bình Xuyên. Một bộ phận lớn quân Bình Xuyên đã theo Bảy Viễn nổi dậy chống lại ông ta, rút vào khu Rừng Sát lầy lội. Nguyễn Bình phái quân đến tiêu diệt họ. Những người còn sống sót liền theo Bảy Viễn về đầu hàng quân viễn chinh Pháp.

Vào tháng chín 1947, người chủ cũ của tôi ở báo *Le Flambeau d'Annam*, người lập hiến Nguyễn Văn Sâm, bỏ mạng dưới đòn đánh của ban ám sát của Nguyễn Bình. Nguyễn Văn Sâm đang tìm cách tập hợp lại những tổ chức quốc gia chủ nghĩa độc lập với Việt Minh thành một Mặt trận quốc gia thống nhất mới.

Đó cũng là thời kỳ tôi nhẹ nhõm trong lòng được tin các bạn Ngô Chỉnh Phến và Anh Già (Đào Hưng Long) bị đày đi Madagascar từ 1941 đã trở về Sài Gòn. Tin ấy được đăng trên tờ báo *Tranh Đấu* mà vài người còn sống sót trong nhóm La Lutte tìm cách tung ra lại như "cơ quan của vô sản" dưới ngọn cờ Đệ Tứ Quốc tế. Họ đăng trên tờ báo đó bản *Tuyên ngôn Cộng sản* dịch sang tiếng quốc ngữ, nhắc đến chuyện Tạ Thu Thảo bị bắt ở Quảng Ngãi và những anh em cựu trào của nhóm mất tích trong chiến khu Thủ Dầu Một. Tờ *Tranh Đấu* ra đến số hai thì bị cấm.

Tôi mời chị Năm Thìn đến ở với tôi. Chị cùng hai thằng con trai nhỏ đã chạy khỏi Bến Tre, nơi chị bị quản thúc sau ba năm ngồi tù ở Mỹ Tho. Hai con trai chị cắp sách tới trường cùng mấy đứa nhỏ nhà tôi, Đô, Oanh và Đá. Tôi cũng biến nhà tôi thành một cái có vẻ là hiệu sách với biển hiệu "Tìm học", trên thực tế là một trạm liên lạc và hòm thư. *Planète sans visa* (Hành tinh không có hộ chiếu) của Jean Malaquais là một trong những tác phẩm đến từ Pháp cùng với những sách báo mang tinh thần nổi loạn khác. Là những người quốc tế chủ nghĩa bị kẹt giữa hai làn hỏa lực, chúng tôi tìm cách tồn tại như một nhóm không có tổ chức chính thức, trước hết cố sao để khỏi rơi vào tuyệt vọng.

Lưu Khánh Thịnh đã bắt liên lạc được với Liên minh cộng sản Trung Quốc tại Hồng Kông. Sau này, các người cộng sản đối lập với Mao Trạch Đông – Peng Shuzhi, bà vợ rất háng hái của ông ta Cheng Bilan, và Liu Jialiang – sẽ đến nhập với nhóm Sài Gòn. Peng Shuzhi, sinh năm 1895, là một trong những người xây dựng nên đảng cộng sản Trung Quốc ; Liu Jialiang đã dịch sang Trung văn cuốn *Tấn bi kịch cách mạng Trung Quốc* của Harold Isaacs, dưới bút hiệu Liu Haisheng.

Một hôm, tôi được tin bọn cớm đã đến dò la "hiệu sách" của tôi. Hôm sau, các ngài Sở Mật thám đổ bộ vào hiệu sách. Họ không bắt được cái gì cả, vì sách báo đã được gửi vào chỗ tin cẩn từ hôm trước. Nhưng tôi đã có hân hạnh được bọn cớm đeo lục soát nhiều lần nữa. Lư Sanh Hạnh và Nguyễn Văn Nam đã chạy sang Pháp.

Ở thành phố thì bị Sở Mật thám uy hiếp, và không thể về nhà quê, nơi đang hoành hành hai loại khủng bố, một của

Pháp và một của Việt Minh, tôi cũng quyết định phải rời đất nước ra đi. Tôi trao số tiền tiết kiệm ít ỏi của tôi – thường là tiền thục của ông chủ tôi – cho một anh bạn cảm tình buôn bán nước năm. Anh ta hứa sẽ hết sức giúp đỡ các cháu mà chỉ Năm Thìn sẽ trông nom sau khi tôi ra đi.

Sở Mật thám từ chối, không cấp thông hành cho tôi đi Pháp, nhưng tôi đã thuyết phục được ông chủ người Tàu của tôi khai bịa là cứ tôi đi thu xếp một vụ làm ăn ở Paris. Thế là tôi xin được một giấy hộ chiếu ba tháng cả đi lẫn về.

Vậy cho nên mùa xuân 1948, tôi đã xuống hầm tàu một chiếc tàu biển già nua của hãng *Messageries maritimes*. Tàu chạy nhầm hướng Marseille. Đứng trên boong hậu, lòng buồn rã, tôi ngắm nhìn dòng nước sủi bọt của quá khứ kéo dài và tan đi đằng sau đuôi tàu. Phía trước tôi trải dài một chân trời mờ mịt mây khói. Những người tôi để lại đằng sau rồi sẽ ra sao ?



Một đòn chí tử làm lòng tôi hoàn toàn tan nát: năm 1950, Nguyễn Văn Linh, Lưu Khánh Thịnh và đồng chí Trung Quốc Liu Jialiang, được mời đi dự một hội nghị bí mật tại khu vực quân sự Việt Minh ở Biên Hòa – một hội nghị mạo danh do những người cảm tình Trotkit triệu tập – để thảo luận việc các người Trotkit tham gia vào kháng chiến, thực tế đã rơi vào bẫy của Việt Minh. Cô bạn gái của Nguyễn Văn Linh rủ chị Năm Thìn – chị Thìn đã từng chiến đấu trong hàng ngũ quân Việt Minh – lên đường đi tìm họ. Việt Minh vùng Biên Hòa đã bắt giữ hai người đàn bà, tra tấn họ, treo người lên xà, rạch bắp

chân nhét bông tẩm dầu vào đốt, bắt họ khai về các bạn "Việt gian Trotskit" của họ. Sau này chị Năm Thìn đã gửi thư được cho tôi, báo tôi biết ba người bạn của chúng tôi đã bị giết, và dài Tiếng nói Đồng Tháp Mười của Việt Minh tất nhiên đã buộc tội họ là "tay sai của đế quốc Pháp".

Trong tất cả những người đã tham gia phong trào cách mạng đổi lập còn lại trong nước, hâu như không một ai sống sót.



Bến tàu Sài Gòn năm 1997

## CÒN NHỮNG BẠN BÈ?

*Bạn bè như đám mây trôi  
Cuộc đời ly tán, qua đời chia tay.*

**B**ạn bè tôi, những người bạn chiến đấu đã ra sao?  
Cuộc đấu tranh bí mật bên nhau đã gắn bó chúng tôi  
mặt thiết, vậy mà hoạt động bí mật cũng làm cho nhiều mảng  
của cuộc đời chúng tôi không được bạn bè biết đến... Những  
"khoảng tối" đó tôi cố nhắc lại ở đây, dù lấy làm tiếc là còn  
nhiều thiếu sót...

VĂN VĂN KÝ, người trẻ nhất trong vụ án chúng tôi, người  
thợ sáp chữ trẻ tuổi, đã bòn rút chữ in để giúp chúng tôi lập nhà  
in bí mật của mình, anh đã chết vì bệnh lao. Anh đã buôn thảm  
tâm sự với một người bạn: "Tôi tưởng rằng mình có thể chết  
bằng một cuộc chiến trên đường phố, bên chiến lũy."

VÕ VĂN ĐƠN, lao công cùng làm việc với tôi ở hãng  
Descours et Cabaud, mặc dầu bị tra tấn vẫn giữ im lặng về  
"ái hữu" của chúng tôi và chỉ nhận có việc đem báo chí đi và  
một đêm đã chăng băng-đơ-rôn đỏ kêu gọi tổng đình công trên  
đường Giồng Ông Tố phía bên kia sông Sài Gòn. Anh đã chết  
vì bệnh lao. Tôi rất cảm động khi nghe chị anh kể lại rằng anh  
rất thất vọng không được thấy tôi ở bên cạnh trước khi nhắm  
mắt, như những ngày nào cùng đấu tranh bên nhau.

VÕ VĂN BA, công nhân và thành viên Chánh đoàn đã bị bắt cùng với chúng tôi, đã chết tháng 1-1939 vì thương hàn. Hơn hai trăm bạn bè công nhân và lao công đến từ các xí nghiệp đến để đưa anh về nơi an nghỉ cuối cùng.

TRỊNH VĂN LÂU, tham gia sáng lập Chánh đoàn. Bị kết án 8 tháng tù giam trong vụ án 31 tháng tám 1936. Anh hoạt động bí mật chống chiến tranh, bị Pháp bắt và chết trong một nhà tù-xà lan chất chồng những người nông dân tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940.

NGÔ CHÍNH PHÉN cũng bị kết án tù trong vụ án các thành viên Chánh đoàn. Anh tham gia nhóm "Công nhân quốc tế chủ nghĩa" ở Gia Định, đã phân phát truyền đơn tháng chín 1939 cho lính tập Thủ Dầu Một: "Chớ có bắn vào các bạn thợ thuyền bị bắt vào quân đội của kẻ thù, hãy bắn vào bọn đế quốc trong nước!" và đấu tranh chống việc tuyển mộ lính tập. Bị bắt trong chiến khu Rạch Giá, sau khi đã bị giam tại trại tập trung núi Bà Rá, bị đày đi Madagascar từ 1941 đến cuối 1946. Từ thành phố Houston ở bang Texas, cách đây mấy năm anh đã gửi cho tôi một lá thư thăm hỏi kèm theo câu "gửi lời chào đồng chí anh em". Trước khi chết hồi tháng 1-1996, còn bị ám ảnh bởi những vụ tàn sát Trotkit cách đây nửa thế kỷ, anh kể lại với con cháu: "Cha vẫn còn thấy bọn Đệ tam lảng vảng rất nhiều xung quanh đây... Cắc bùm, cắc bùm!"

PHẠM VĂN MUỐI, học sinh trung học mà tôi đã bắt tin từ vụ án, anh ta còn sống sót không?

TRẦN THỊ MUỒI sinh năm 1914 ở Mỹ Tho trong một gia đình tiểu nông. Cha chị là hội viên của ông hoàng Cường Để chống Pháp, anh của chị du học từ Mátxcơva về. Chị trở thành bạn đời của Anh Già và tham gia phe Đổi lập cộng sản cánh tả Trotskit. Bị bắt tháng mười 1932, bị tra tấn ở Sở mật thám, bị tù 6 tháng. Năm 1935 chị đã giúp tôi tán phát trong anh em đảng cộng sản ở nông thôn sách báo của Chánh đoàn. Người chị Trần Thị Chín sinh năm 1912 bị bắt tháng mười 1929 trong vụ ám sát ở đường Barbier. Năm 1931 là bạn đời của Nguyễn Văn Đại, chị tham gia Liên minh cộng sản đoàn, nhóm đổi lập đầu tiên bên trong đảng cộng sản Đông Dương. Chị chết ở Cà Mau năm 1932.

VÕ THỊ BẰNG, tức NGUYỄN THỊ MỸ (1915-1934) tham gia nhóm Đông Dương cộng sản Trotskit. Bị bắt tháng tám 1932, bị kết án 4 tháng tù ngày 1 tháng năm 1933. Chị chết một năm sau đó vì những ngọn đòn tra tấn ở Sở Mật thám.

NGUYỄN HUỆ MINH, sinh ở Bình Đại (Bến Tre) năm 1912, tham gia Liên đoàn cộng sản, rồi đấu tranh trong nhóm Tháng Mười (Đổi lập cộng sản cánh tả). Bị bắt tháng tám 1932, bị kết án 3 tháng tù tháng 5-1933. Chị trở thành bạn đời của Hồ Hữu Tường. Chị là em của chị Nguyễn Trung Nguyệt, nhân vật nữ chính trong vụ án đường Barbier.

VÕ THỊ VÂN, sinh năm 1913, quê ở Bến Tre, tham gia đảng cộng sản Đông Dương, bị kết án tù 8 tháng vào tháng chín 1933. Chuyển sang Đổi lập cánh tả, bạn đời của Lư Sanh Hạnh, một trong những người khởi xướng Liên minh cộng sản quốc

tế, tham gia phong trào Đông Dương đại hội năm 1936. Tham gia ủy ban hành động khu Chợ Quán và Chợ Đũi ở Sài Gòn. Rất hăng hái trong phong trào công đoàn bí mật, đặc biệt trong công nhân hỏa xa lúc đình công, chị bị bắt tháng năm 1937.

LÊ VĂN OÁNH sinh năm 1908 ở Hải Dương (Bắc Kỳ). Làm đường sắt rồi thư ký Xưởng tàu binh Sài Gòn, bị đuổi việc sau cuộc đình công năm 1936-1937. Rất hăng hái trong phong trào công đoàn bí mật, anh bị kết án tù 2 năm vào tháng mười một 1937. Tới gặp lại lần đầu năm 1945 khi khởi nghĩa ở Sài Gòn. Rồi từ ấy biệt tăm

TẠ KHẮC TRIÊM sinh năm 1912 ở Sơn Tây (Bắc Kỳ). Vào Nam Kỳ năm 1927, làm kế toán ở Nhà hàng Charner ở Sài Gòn, rồi thư ký xưởng vũ khí, bị đuổi việc trong cuộc đình công năm 1936-1937. Tổng liên đoàn công nhân do những người Trotkit tổ chức bí mật đã nhóm họp ngày 29 tháng năm 1937 ở ngoại ô phía bắc Sài Gòn. Trong khi các đoàn đại biểu công nhân của 44 xí nghiệp thảo luận về điều lệ của Liên đoàn, thì mật thám xuất hiện và bắt giữ 62 người, trong đó có Tạ Khắc Triêm. Sau khi được thả anh lại hăng hái hoạt động trong các vụ đình công như trước khi bị bắt. Trong cuộc đình công của hỏa xa Xuyên Đông Dương, anh tham gia thành lập nhóm huynh đệ ở Quảng Ngãi và ở Bắc Kỳ. Bị bắt tháng chín 1937, anh bị kết án một năm tù, mà theo sổ đen của mật thám thì đó là "kẻ cầm đầu Trotkit đã giữ vai trò quan trọng trong cuộc tổng đình công của Hỏa xa".

VŨ BƯU BÍNH, sinh năm 1910 ở Sa Đéc, tham gia Đổi lập cộng sản cánh tả. Bị bắt tháng tám 1932, anh ở tù 3 tháng. Là người tham gia cuộc họp đại biểu công nhân ngày 29 tháng năm 1937, bị bắt và kết án tù. Chính người vợ của anh đã cưu mang tôi khi tôi ra tù năm 1937. Tôi còn nhớ anh đã nói về tôi với con tôi là Đô, khiến nó vô cùng kinh ngạc: "Ba mây bán trời không mời thiên lôi!" như câu tục ngữ đã nói.



*Trong những người mà tôi muốn viết "tiểu sử" ở đây, dù không đầy đủ, một số là những người bạn thân thiết của tôi (Nguyễn Văn Lịnh, Lư Sanh Hạnh, Nguyễn Văn Nam, Anh Già), những người khác, tôi biết ít hơn, đôi khi chỉ là chạm trán nhau trong tù hay ở đâu đó, nhưng họ rất có ý nghĩa đối với các chiến hữu và với tôi.*

#### PHAN VĂN HÙM (1902-1945)

Sinh ngày 9 tháng tư 1902 tại An Thành (Thủ Dầu Một), con nhà tiểu chủ trí thức theo đạo Phật, đỗ sơ học năm 1922 và tốt nghiệp trường Chasseloup-Laubat (Sài Gòn). Dạy học ở Sóc Trăng năm 1923, sau đó được nhận vào trường Công chính Hà Nội năm 1924, tốt nghiệp năm 1925, làm đốc công Trường tiền từ 1926 đến 1928. Ở Huế, nữ học sinh trường Đồng Khánh bãi khóa nhân vụ đám tang Phan Chu Trinh, anh và trường tiền Tệ, bạn anh, đem họ về tro trong nhà. Bà Trần Như Mân, bạn đời Đào Duy Anh, đã nhắc lại chuyện này trong hồi ký *Sóng với tình thương*. Vì lai vãng viếng thăm nhà cách mạng lão thành Phan Bội Châu, lúc đó đang bị giam lỏng ở Huế, anh bị buộc phải thôi việc và phải bồi thường phí tổn học tập.

Về Sài Gòn anh trở thành người bạn và môn đệ của Nguyễn An Ninh, cùng với Ninh đi xe đạp khắp miền quê để "thức tỉnh" nông dân. Bị vào tù lần đầu sau cuộc ẩu đả với tên lính vệ là Cai Nên ở Bến Lức hồi cuối tháng chín 1928. Sau khi ra tù anh viết cuốn *Ngôi tù Khám lớn*, tố cáo chế độ nhà tù tàn tệ và phô bày những phương pháp tra tấn dã man của mật thám, lên tiếng bảo vệ Nguyễn An Ninh bị ghép vào tội hội kín. Sách được giới thanh niên hâm mộ liền bị cấm. Sau đây là một trong những vần thơ Phan Văn Hùm làm thời đó.

*Xã hội ngày nay lầm bát bình,  
Kêu sao cho thấu, hỡi Trời xanh?  
Xây lâu mà ở chòi tranh nát,  
Dệt lụa lại không mảnh áo lành.  
Kẻ trí lưỡng công người dốt nát,  
Đứa ngu thêm sức bọn khôn lanh.  
Chừng nào thiên hạ hay mình khổ,  
Muôn việc lôi thôi tức khắc thành.*

Tháng bảy 1929 tòa kết án anh 4 tháng tù treo, qua mùng 3 tháng chín anh đáp tàu sang Pháp. *Một bầu thế giới mênh mông, Dành riêng cho kẻ bệnh bồng phiêu lưu.* Phải chăng hai câu thơ của Nguyễn An Ninh đã khêu gợi lòng anh lưu lạc bốn năm trên đất Pháp.

Tại Toulouse anh có mặt trong Ủy ban sinh viên An nam đấu tranh chống đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái tháng hai 1930. Anh lên Paris tham dự cuộc biểu tình ngày 22 tháng năm trước Điện Elysé. Anh trốn thoát cảnh sát lùng bắt, chạy sang Bỉ. Bên ấy cùng Hồ Hữu Tường chuẩn bị ra một số tờ báo.

Báo *Tiền Quân* ra được một số duy nhất phát biểu công việc chuẩn bị cho cuộc Đại hội lâm thời những người cách mạng An nam xuất dương. Tiêu đề tờ báo: *Không có lý luận cách mạng, không có phong trào cách mạng* (Lênin).

Trở lại Paris vào tháng bảy, anh ngả theo tư tưởng của phái cộng sản Tả đối lập và gia nhập nhóm người Đông Dương của Liên minh Cộng sản. Nguyên là giáo viên tiếng Việt tại trường trung học Toulouse, anh bị đuổi vì tuyên truyền chủ nghĩa quốc gia. Sau đó anh lại lên Paris ghi danh học cử nhân triết học tại đại học Sorbonne, đồng thời vẫn không bỏ những hoạt động đấu tranh (cuối năm 1930 đến 1933). Anh tham gia vào phân ban Pháp của Liên minh phản đế và công tác trong Ủy ban đòi ân xá cho người Đông Dương.

Trở về Sài Gòn tháng bảy 1933, anh gặp lại Tạ Thu Thâu và Hồ Hữu Tường, làm chủ bút tạp chí văn học *Đồng Nai*, tờ này bị cấm đầu năm 1934. Anh dạy tiếng Việt và giảng văn học tại trường trung học Paul Doumer. Giữa 1935 anh bị đuổi khỏi trường vì đã tổ chức thầy giáo bãi khóa.

Anh tham gia mặt trận hiệp nhất *La Lutte*. Sau khi mặt trận tan vỡ năm 1937, anh tiếp tục với Tạ Thu Thâu viết bài trên báo *Tranh đấu-La Lutte*, trở thành cơ quan của Đệ tứ quốc tế.

Được bầu vào Hội đồng quản hạt Nam Kỳ tháng tư 1939, qua cuối tháng sáu anh bị bắt rồi bị kêu án 5 năm tù và 10 năm biệt xứ ngày 15 tháng mười, về việc cổ động phản đối công trái và đảm phụ quốc phòng (theo thường lệ, đối với tù chính trị bị kết án tù từ 3 năm trở lên sẽ bị đưa ra Côn Đảo).

Mẫn tù, bị phù thũng từ trong ngực, anh bị quản thúc tại Tân Uyên (Biên Hòa). Sau cuộc Nhật đảo chính anh xuống Sài Gòn và được bác sĩ Hồ Tá Khanh chữa chạy. Anh hoạt động

cùng anh em trong nhóm Tranh đấu, giữa các biến cố tháng tám 1945.

Hồ Chí Minh phái người vào Nam hạ bệ Trần Văn Giàu, cải tổ Ủy ban hành chánh lâm thời Nam Bộ, cử luật sư Phạm Văn Bạch làm chủ tịch chính quyền Việt Minh. Hội nghị mở rộng Ủy ban nhân dân Nam Bộ mời các xu hướng chính trị khác tham gia. Ngày 10 tháng chín 1945, nghe đâu người ta dự kiến mời Phan Văn Hùm nhưng anh từ chối.

Giữa phong trào chống quân Pháp tái chiếm thuộc địa, Dương Bạch Mai bắt giam Phan Văn Hùm tại vùng Biên Hòa vào tháng mười 1945. Anh cùng một số tù chính trị khác toàn là người Việt bị giết hại tại sông Lòng Sơn (trên đường xe lửa chặng giữa ga Phan Thiết và Tour Chàm), thi thể bị xô xuống sông.

Buổi tối trước khi dời đi khỏi Biên Hòa, anh đối khẩu lần cuối cùng với Dương Bạch Mai (cả hai đều có chân trong nhóm La Lutte và bị đày ra Côn Đảo năm 1940). Mai nói : "Ở Côn Nôn, tôi biết anh đã từng đưa lưng cho ngực tốt đánh để che chở kẻ khác, nhưng bây giờ là cách mạng..." Hùm trả lời : "Nếu anh muốn giết tôi thì cứ giết ngay tại đây, cần gì phải dời đi chỗ khác làm gì?"

Theo Dương Bạch Mai, một môn đệ của Stalin, thì cần phải thủ tiêu tác giả quyền *Ngôi tù Khám Lớn*, nhà văn cách mạng đã kích thích thanh niên đột khởi một thời. Chuyện trên đây là do một người cùng bị giam với Phan Văn Hùm được sống sót, thầy giáo Trương Minh Hải, người gốc Cù Lao Phố, thuật lại cho Trần Ngươn Phiêu hiện làm y sĩ ở Texas.

Tác phẩm chính: *Ngôi tù Khám Lớn*, Sài Gòn 1929; Dương Linh, *Máy văn thơ* (tập thơ); *Sa đà du tử* (Nhật ký,

cảm tương về du hành và sống ở Pháp) đăng báo *Thân chung*; *Biện chứng pháp phổ thông*, Sài Gòn 1936; *Phật giáo triết học*, Hà Nội 1942; *Vương Dương Minh-thân thế và học thuyết*, Hà Nội 1944.

### TA THU THÂU (1906-1945)

Sinh ở Tân Bình (Long Xuyên) trong một gia đình thợ thủ công nghèo. Mẹ anh mất vì bệnh lao khi anh 11 tuổi, anh phải giúp cha để nuôi 6 miệng ăn. Học hết lớp ba, anh phải làm tùy phái cho sở Trường tiền, cuối lớp nhì đi dạy học cho trẻ con trong gia đình một hương chức để kiếm 5 đồng bạc. Năm 14 tuổi thi đỗ vào trường Trung học Chasseloup-Laubat, năm 17 tuổi được cấp học bổng. Chính trong bầu không khí giới thanh niên học sinh hướng về tinh thần quốc gia sôi sục khắp nơi, anh tốt nghiệp trung học. Về sau anh thuật lại :

"Chúng tôi sống những ngày nặng nề đầy lo âu về mặt trí thức trong một bầu không khí rùng rực vì sự căng thẳng cùng cực cứ mỗi lúc một tăng giữa chính quyền và người dân bản xứ. Trong giờ học chúng tôi lén đọc báo cấm, giờ chơi chúng tôi họp kín. Chúng tôi chỉ có hai tư tưởng: ám sát cá nhân và lập một đạo binh ở bên Tàu để giành lại nền độc lập nước nhà. Đầu năm 1926, lực lượng của chúng tôi tụ tập thành đảng Jeune Annam."

Theo lời kêu gọi của Nguyễn An Ninh – từ năm 1923 với tờ báo *Tiếng chuông rè* đã khuyến khích thanh niên "rời gia đình và cha mẹ" để thoát ra khỏi "cánh ngu dốt tối tăm" – Tạ Thu Thâu đã xuống tàu sang Pháp.

Năm 21 tuổi Thâu ở Paris, nhập ban khoa học trường Đại học. Thoạt đầu anh hoạt động trong đảng An nam Độc lập

(PAI) rồi anh cảm đâu nhóm này sau khi Nguyễn Thế Truyền, người sáng lập đảng trở về Sài Gòn năm 1926. Đồng thời cùng với Huỳnh Văn Phương và Phan Văn Chánh viết báo *La Résurrection* (Phục hưng), một tờ báo ra hàng tháng "cơ quan của thanh niên cách mạng An nam", nhưng bị tịch thu ngay khi phát hành.

Tháng giêng 1929, tiếp sau một cuộc đụng độ giữa nhóm "Thanh niên yêu nước" (cực hữu) với những người Việt chịu ảnh hưởng đảng PAI, Tạ Thu Thâu lên tiếng phản đối báo *Nhân đạo* (L'Humanité) cơ quan ĐCS Pháp vì trong bài tường thuật báo này có ác ý, anh phản đối vì thái độ bất can thiệp đối với những người Việt bị bắt trong buổi họp đó và phản đối luôn "bọn lãnh lương ở phân ban thuộc địa của ĐCS Pháp" đã hành động chia rẽ hàng ngũ đảng PAI. Tờ truyền đơn của anh kết thúc như sau: "Trong tình cảnh nô lệ thái quá của chúng tôi, chúng tôi kêu gọi những người bị áp bức trên các thuộc địa: Hãy đoàn kết lại chống chủ nghĩa đế quốc Âu châu dù trắng hay đen, nếu các bạn muốn có một chỗ đứng vững dưới ánh mặt trời".

Tòa án quận Seine tuyên bố giải tán đảng PAI tháng 3-1929. Tháng 7-1929 anh tham dự Đại hội lần 2 của Liên minh chống đế quốc họp tại Frankfurt (Đức). Tại Paris anh gặp gỡ các nhân vật tả phái như Alfred Rosmer, Daniel Guérin, cùng với nhóm Ngược dòng của Maurice Paz, và xa rời chủ nghĩa quốc gia thiển cận. Sự "đối lập chủng tộc" đã làm lu mờ đối lập giai cấp xã hội trong mắt người chiến sĩ trẻ tuổi đó. Tạ Thu Thâu bắt đầu nghiên cứu chủ nghĩa Marx, theo dõi lịch sử 12 năm cuối cùng của nước Nga, nghĩa là từ Cách mạng tháng Mười, và đã có một cái nhìn toàn cầu về cách mạng và một chủ nghĩa cộng sản có phê phán, mang tính chất quốc tế.

Sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Báu (tháng 2-1930), Tạ Thu Thâu phân tích nguyên nhân phong trào quốc gia thất bại. Rồi viết một loạt bài trên báo *Sự thật* (La Vérité), cơ quan của phái Tả đối lập (tháng 4, 5 và 6 năm 1930) trình bày tư tưởng chính trị của mình đối với cuộc cách mạng Đông Dương. Anh phê phán Quốc tế thứ III. Sự lưỡng phân không còn là độc lập hay nô lệ, mà là chủ nghĩa quốc gia hay chủ nghĩa xã hội, nghĩa là để cho giai cấp tiểu tư sản trí thức nắm quyền hay là giải phóng cho giai cấp vô sản và nông dân nghèo.

Trong cuộc biểu tình của sinh viên và lao động An nam trước điện Elysée (Paris) ngày 22 tháng 5-1930 để phản đối những án tử hình sau cuộc khởi nghĩa Yên Báu, Tạ Thu Thâu bị bắt cùng 18 đồng bào trẻ tuổi rồi bị tống xuống tàu trực xuất khỏi nước Pháp ngày 30 tháng 5. Về tới Sài Gòn ngày 24 tháng 6, Thâu và các bạn được phái Stalin đón tiếp bằng vô số truyền đơn vu khống là những người phản cách mạng.

Cuối năm 1931 ở Sài Gòn, anh hợp tác với nhóm Tả đối lập rồi vận động lập nhóm Đông Dương cộng sản, bị tan rã năm 1932 sau khi anh bị bắt cùng với 65 người Trotskit và cảm tình. Được tại ngoại hầu tra tháng 1-1932, Thâu tham gia nhóm La Lutte (Tranh đấu) và hợp tác với những người phái Stalin trong cuộc đấu tranh hợp pháp chống chính quyền thuộc địa. Anh tham gia tích cực vào cuộc vận động bầu cử trong Số lao động đầu tiên của họ thuyền, nông dân và tiểu thương Sài Gòn. Sau kinh nghiệm đầu tiên của vụ kết án đó, anh viết cuốn *Ba tháng ở sở Mật thám đường Catinat* năm 1934, nhằm tố cáo việc tra tấn dã man đối với tù chính trị.

Trong các cuộc đình công năm 1936-1937, anh bị bắt nhiều lần dưới thời chính phủ Mặt trận Bình dân. Khi cuộc đình công lớn nổ ra ở Đông Dương tháng 11-1936, Tạ Thu Thâu

dã viết trên báo *La Lutte* phê phán không nể nang Mặt trận Bình dân dã quên những lời hứa hẹn cải cách ở các thuộc địa. Những người thuộc phái Stalin liên đoạn tuyệt với Thâu bằng một lá thư công khai ngày 17 tháng 12-1936.

Tháng 4-1937, cuộc tuyển cử vào Hội đồng thành phố Sài Gòn tập hợp lần cuối hai người là Tạ Thu Thâu và Nguyễn Văn Tạo thuộc phái Stalin, cả hai đều trúng cử. Cuối tháng 5, phái Stalin theo lệnh Mátxcova do đảng Cộng sản Pháp truyền đạt đã rời bỏ mặt trận thống nhất với nhóm La Lutte và ra tờ báo *L'Avant-garde* (Tiên phong) trong đó họ gọi những người Trotskit là "anh em sinh đôi của chủ nghĩa phát xít". Lúc đó Thâu và Tạo đang ở trong tù và chỉ được tự do tạm ngày 7 tháng 6.

Bị vào tù một lần nữa, đến tháng 2-1939 mới được thả. Tạ Thu Thâu được bầu vào Hội đồng quản hạt tháng 4-1939 cùng với hai chiến hữu là Trần Văn Thạch và Phan Văn Hùm, sau khi cất đứt với phái Stalin. Việc anh được bầu vào Hội đồng quản hạt dưới lá cờ của Đệ tứ quốc tế đã làm nhà cầm quyền lo ngại. Trong điện gửi Bộ trưởng Thuộc địa Georges Mandel ngày 20 tháng 5-1939, toàn quyền Brévié tố giác "những người Trotskit dưới sự lãnh đạo của Tạ Thu Thâu" dự kiến "lợi dụng cơ hội chiến tranh có thể xảy ra để giải phóng hoàn toàn xứ sở", trong khi khen ngợi những người Stalin "có thái độ trung thành với nước Pháp trong trường hợp có chiến tranh".

Tháng 8-1939 Tạ Thu Thâu rời xứ sở. Bị bắt ở Singapo tháng 10-1939 anh bị giải về Sài Gòn. Qua tháng 4-1940, anh bị kết án 5 năm tù, 10 năm biệt xứ và 10 năm bị tước quyền công dân rồi đày đi Côn Đảo cho đến tháng 10-1944. Mãn hạn tù, anh bị quản thúc tại Long Xuyên, quê hương anh. Trong

bức thư gửi bà Phương Lan, người bạn thời niên thiếu, anh viết: "Thế là anh được trở về nơi một phần tư thế kỷ trước anh được sống vô lỵ. Hai mươi bốn năm qua, cậu nhỏ kia gãy cánh trở về. Ở ngoài đảo, nhờ truyền ngôn, anh học được một số thi và trọn bộ *Kim Vân Kiều*. Nay giờ có sách, anh muốn ôn lại cho rõ chữ và rõ nghĩa."

Trong năm 1945, Tạ Thu Thảo phân tích và phê phán cương lĩnh của Việt Minh: dựa dẫm vào thế lực của các nước phương Tây hoặc nước Nhật để giành lại độc lập là điều không chắc chắn và chẳng có triển vọng gì giải phóng cho công nhân và nông dân nghèo. Phải thành lập một đảng công nhân, và bất chấp các phong trào của phái quốc gia và phái theo Stalin. Đó chính là điều anh phác ra cùng với những người trong nhóm La Lutte trước kia khi họ gặp nhau ở Sài Gòn sau ngày 9 tháng 3-1945.

Cuối tháng 4 Thủ bí mật ra Bắc, chính lúc đó nạn đói hoành hành ở Bắc kỳ và Trung kỳ. Ngày 14 tháng 5 nhật báo *Sài Gòn* đăng lời của anh kêu gọi giúp đỡ ở Huế gửi về: "Tình cảnh nguy cho đến đỗi, nếu được tôi yêu cầu anh em ở Nam kỳ, mỗi người ăn vừa đủ sống thôi. Còn dư ra gồm lại gửi ra đây tức thì. Nếu ở Nam kỳ hành động chậm, trong một tháng rưỡi nữa 50% dân chúng miền Bắc (Bắc kỳ và Bắc Trung kỳ) sẽ bị chết một cách thảm khốc bút nào tả được."

Ở Bắc kỳ anh may mắn gặp gỡ các đồng chí chủ trương tờ báo *Chiến đấu* xu hướng Đệ tứ, nhất là Lương Đức Thiệp, liên lạc với nhiều thanh niên rời bỏ việc học hành để lao mình trong phong trào làm thức tỉnh ý thức chính trị của tầng lớp nghèo khổ nhất. Anh cùng họ tham dự những cuộc hội họp thợ mỏ tổ chức bí mật tại vùng mỏ và các cuộc họp tại Nam Định

và Hải Phòng, cũng như các cuộc họp bí mật của nông dân ở Hải Dương và Thái Bình. Đối với vấn đề mà họ lo lắng khi nghe những lời dối trá của Việt Minh khắp nơi gán cho họ là những phần tử đi ngược lại quyền lợi của công nhân.

Khi bom nguyên tử thiêu hủy Hiroshima và Nagasaki ngày 6 và 9 tháng 8-1945, Hồ Chí Minh kêu gọi tổng khởi nghĩa. Tạ Thu Thâu lên đường trở về Nam. Đến Huế, để đánh lạc hướng mật thám Việt Minh, anh chia tay với người bạn trẻ tuổi đã dấn thân là Đỗ Bá Thế. Đến Quảng Ngãi anh rơi vào tay Việt Minh.

Ngày 7 tháng 9-1945, nhóm La Lutte được tin Tạ Thu Thâu bị bắt ở Quảng Ngãi đã yết tin trước trụ sở của mình. Quần chúng Sài Gòn rất xúc động. Nhóm La Lutte gọi cho Trần Văn Giàu, ông đã trả lời trong một thông báo ngày 9 tháng 9: "Việc bắt giữ Tạ Thu Thâu ở Quảng Ngãi không phải là của ban chấp hành. Chỉ có Ủy ban nhân dân mới có thể và có quyền kết án Tạ Thu Thâu." Lúc đó có thể là Tạ Thu Thâu đã bị sát hại.

Đúng một năm sau, năm 1946 ở Paris, khi Hồ Chí Minh được Daniel Guérin chất vấn về cái chết của Tạ Thu Thâu, ông đã trả lời: "Tất cả những ai không đi theo đường lối do tôi đã vạch ra sẽ bị diệt."

Tạ Thu Thâu đã để lại, ngoài những bài báo trên *La Lutte* và *Ba tháng ở Sở mật thám đường Catinat*, còn có một bản dịch quốc ngữ cuốn *Cơ sở triết học* của Politzer và cuốn sách *Từ Đệ nhút đến Đệ tứ Quốc tế*.

### NGUYỄN VĂN SỐ (1905-1945)

Sinh ngày 6 tháng 10-1905 tại Chợ Lớn trong một gia đình nghèo, là môn đệ háng hái của Nguyễn An Ninh, Nguyễn

Văn Số bị đuổi ra khỏi trường Sư Phạm Sài Gòn năm 1926 vì hoạt động chính trị. Anh đi làm bồi tàu, có trú một thời gian ở Marseille rồi trở về Sài Gòn vào năm 1928. Anh làm việc trong một nhà in và dạy học ở một trường tư thục.

Có chán trong nhóm La Lutte, anh được dự cử trong các cuộc tuyển cử năm 1933, 1935 và 1939. Bị bắt vào tháng 7-1937 vì lập hội bất hợp pháp (Uỷ ban khởi phát nghiệp đoàn), bị giam tại Khám lớn Sài Gòn, anh tuyệt thực; anh được thả ngày 9 tháng 9-1937. Bị lao nặng, anh lại bị bắt và kết án ngày 10 tháng 11-1937 một năm tù và 10 năm biệt xứ vì hoạt động "lật đổ chính quyền". Lại bị bắt vào tháng 9-1939, anh bị đày ra Côn Đảo.

Giữa biến cố năm 1945, mặc dầu sức khỏe tiêu tụy anh vẫn chung lưng đấu cật với anh em nhóm Tranh đấu. Anh là một trong số người bị Việt Minh ám sát trong vùng bưng biển Thủ Dầu Một hồi tháng 10-1945.

#### PHAN VĂN CHÁNH (1906-1945)

Người gốc Bình Trước (Biên Hòa) thuộc gia đình trung lưu, cha làm thư ký trong bộ máy chính quyền. Anh học trung học tại trường Chasseloup-Laubat, sang Pháp ngày 25 tháng 9-1925 và ghi danh học y khoa tại Paris.

Anh cộng tác với báo *Journal des Etudiants annamites* (Báo của sinh viên An nam) do Trần Văn Thạch chủ trương, tham gia đảng An nam Độc lập cùng Tạ Thu Thảo, rồi cùng Thảo nhập vào phái Tả đối lập (Trotskit) năm 1930. Có mặt trong số 19 người bị trực xuất khỏi Pháp tháng 5-1930 sau cuộc biểu tình phản đối việc xử tử hình những người nổi dậy ở Yên Bai ngày 30 tháng 5-1930.

Tại Sài Gòn anh dạy học trường tư và tham gia thành lập phái Tả đối lập. Vào năm 1932, để thức tỉnh giới cần lao, cùng Huỳnh Văn Phương bí mật xuất bản một số sách, trong đó có những cuốn dịch từ chữ Pháp sang quốc ngữ như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *Chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học...* Bị bắt ngày 8 tháng 8-1932, bị kêu án 4 năm tù treo ngày 1 tháng 5-1933, mãn hạn tù anh tham gia nhóm La Lutte. Bị bắt ngày 13 tháng 7-1939, qua tháng 3-1940 anh bị kết án 3 năm tù, 5 năm biệt xứ và 10 năm tước quyền công dân rồi bị đưa ra Côn Đảo.

Văn hoạt động trong nhóm Tranh đấu giữa các biến cố năm 1945. Lọt vào tay bọn sát thủ của Trần Văn Giàu, anh bị bắn vào tháng 10 trong bưng biển Thủ Dầu Một.

### TRẦN VĂN THẠCH (1903-1945)

Sinh tại Chợ Lớn trong một gia đình trung lưu, đỗ tú tài năm 1925 tại trường trung học Chasseloup-Laubat. Đi Pháp tháng 5-1926, anh chuẩn bị lấy bằng cử nhân triết học ở Toulouse, rồi lên nhập Văn khoa đại học Paris.

Ngày 15 tháng 3-1927 anh sáng lập tờ *Journal des Etudiants annamites* (Báo của sinh viên An nam), và trên báo đó ngày 15 tháng 12 anh viết bài "Một giấc mơ kỳ lạ", dự đoán chính trị trong đó anh mường tượng thành phố Sài Gòn trước ngày độc lập, với một đảng tư sản và một đảng công nhân đối lập. "Chương trình hành động tốt nhất mà chúng ta có thể chấp nhận được là chương trình gồm cả giải pháp cho vấn đề xã hội và giải pháp cho vấn đề dân tộc", đó là lời của một nhân vật tư sản cách tân trong câu chuyện.

Tháng 1-1928 trong một bài báo khác, anh phản đối những người theo chủ nghĩa quốc gia bảo thủ. Cùng năm đó, trong

tập san của "Liên minh chống áp bức của thực dân và đế quốc chủ nghĩa" anh viết bài tố giác "bọn cai trị chúng ta, chúng mong muốn một cách đê hèn là đào luyện chúng ta như thế nào đó để mãi mãi chúng ta trở thành một con người chỉ biết phục tùng..."

Gặp Tạ Thu Thâu trong đảng An nam độc lập, tham gia cuộc mít tinh phản đối việc bắt giữ Nguyễn An Ninh ngày 28 tháng 9-1928, và trong *Tuyên ngôn của sinh viên An nam* ngày 2 tháng 12, anh tuyên bố mục tiêu của sinh viên ở nước ngoài là phải giải phóng đất nước.

Tháng 1-1929 trên tờ *Báo của sinh viên An nam*, anh nhấn mạnh tầm quan trọng của sự đoàn kết giữa trí thức và lao động. Tháng 5, anh trở thành chủ tịch Hội tương tế Đông Dương ở Paris và phản đối Bộ Thuộc địa về các vụ trục xuất người An nam.

Trở về Sài Gòn tháng 1-1930, Trần Văn Thạch dấn thân vào thời cuộc sắp bị cuộc khởi nghĩa Yên Bái cùng phong trào nông dân đảo lộn sâu sắc, tiếp theo là cuộc đàn áp đẫm máu năm 1930-1931. Vừa đi dạy học tư để kiếm sống, anh tham gia nhóm La Lutte, cùng các bạn "từ Pháp trở về" quần tụ xung quanh Nguyễn An Ninh để công khai đương đầu với chính quyền thực dân. Trong các cuộc tuyển cử vào Hội đồng thành phố tháng 4, tháng 5-1933 tại Sài Gòn, anh trúng cử cùng với Nguyễn Văn Tạo thuộc phái Stalin, nhưng chính quyền thực dân không thể dung túng hai "ông hội đồng cộng sản" nên đã hủy chức của họ vài tháng sau. Tháng 9-1934, anh tham gia xây dựng lại nhóm La Lutte đã phân tán sau kỳ bầu cử. Anh lại được bầu vào Hội đồng thành phố Sài Gòn cùng với Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo và Dương Bạch Mai. Trên tờ *La Lutte* anh giữ chuyên mục trào phúng "Mũi đinh nhỏ".

Trong phong trào Đông Dương Đại hội 1936, anh công tác trong Ủy ban hành động của nhóm La Lutte. Vụ án Mátxcova lần thứ nhất đã khiến anh xa rời hản phái Stalin, từ đấy anh tham gia vào phái Trotskit.

Ngày 2 tháng 2-1937 anh bị hủy bỏ danh hiệu ủy viên Hội đồng. Tháng 6-1937 anh viết bài phóng sự về vụ diên chủ chiếm đoạt đất đai của nông dân ở Rạch Giá đăng trên *La Lutte* từ số 27 tháng 6 đến 1 tháng 7-1937, khiến chính quyền phải cho mở cuộc điều tra. Trần Văn Thạch còn tham gia hoạt động nghiệp đoàn và bị kết án 2 tháng tù vào tháng 9-1937. Tháng 6-1937 khi những người phái Stalin chấm dứt cộng tác với nhóm Trotskit, nhóm La Lutte tan rã, Trần Văn Thạch đứng về phía Tạ Thu Thảo. Trong cuộc tuyển cử Hội đồng quản hạt tháng 4-1939, anh được đặc cử cùng Tạ Thu Thảo và Phan Văn Hùm, nhưng qua tháng 10 anh bị hủy chức trong lúc bị giam trong Khám Lớn.

Ngày 16 tháng 4-1940 anh bị kêu án 4 năm tù và 10 năm biệt xứ và tước quyền công dân, rồi bị đày đi Côn Đảo. Ra tù năm 1944, anh bị quản thúc tại Cần Thơ. Sau đảo chính Nhật 9 tháng 3-1945, anh cùng các đồng chí trong nhóm La Lutte tổ chức Đảng thợ thuyền cách mạng, cho tái bản tờ *Tranh đấu* khi Nhật đầu hàng.

Ngày 23 tháng 9-1945 Sài Gòn nổi dậy chống quân Pháp được quân Anh tiếp sức quay lại tái chiếm thành phố. Nhóm Tranh đấu sau khi bị tổn thất nặng nề ở cầu Thị Nghè, phải rút về Thủ Đức. Tại đây họ đã bị công an của Trần Văn Giàu vây bắt cả nhóm.

Trần Văn Thạch bị Việt Minh sát hại tại bưng biển Thủ Dầu Một vào ngày 22 tháng mười 1945.

### NGUYỄN VĂN TIỀN (1916-1945)

Sinh ở Sài Gòn năm 1916. Công nhân nhà máy cao su, tham gia nghiệp đoàn Trotskit, bị bắt năm 1937 và bị kêu án một năm tù và 5 năm biệt xứ. Người cuối cùng quản lý báo *La Lutte*, anh lại bị kết án và đày đi Côn Đảo năm 1940. Ra khỏi tù anh lại rơi vào tay Việt Minh và bị bắn tại bưng biển Thủ Dầu Một ngày 22 tháng mười 1945 cùng với những đồng chí khác trong nhóm La Lutte.

### HỒ HỮU TUỜNG (1910-1980)

Xuất thân trong một gia đình tá điền, Hồ Hữu Tường bị đuổi khỏi trường trung học Cần Thơ năm 1926. Anh sang Pháp và ít lâu sau đỗ tú tài, bắt đầu học toán ở Đại học Marseille và mãn khóa ở Lyon. Tháng 5-1930 Tường gặp Tạ Thu Thảo ở Paris trong một cuộc biểu tình của người An nam đòi thả những người khởi nghĩa ở Yên Bai bị kết án tử hình. Để khỏi bị bắt anh trốn sang Bruxelles với Phan Văn Hùm, hai người phát hành tờ báo *Tiền quân* (L'Avant-garde), rồi họ trở lại Paris ít lâu sau khi Tạ Thu Thảo bị trục xuất. Họ tập hợp lại quanh nhóm Pierre Naville, Raymond Molinier và Pierre Frank, một nhóm người Đông Dương phân bộ Liên minh Cộng sản (Đối lập) gồm có Nguyễn Văn Linh, Trần Văn Sỹ, La Văn Rót, Nguyễn Văn Nhì, Nguyễn Văn Nam, Nguyễn Văn Cử.

Trở về Sài Gòn đầu năm 1931, anh dạy toán trong các trường tư. Tháng 5 anh gặp Đào Hưng Long, người đã tách ra khỏi đảng Cộng sản sau khi Xô viết Nghệ Tĩnh thất bại, rồi lập nhóm Liên minh cộng sản đoàn ở Bạc Liêu, Tường mời họ tham gia phái Tả Đối lập.

Tháng 8-1931 anh cùng Đào Hưng Long ra tờ tạp chí *Tháng Mười*, in xoa xoa khổ bò túi. Qua tháng 11 tất cả những người cộng sản đổi lập tập hợp trong phái Tả Đổi lập. Đầu tháng 11-1932 Hô Hữu Tường bị bắt rồi bị kết án 3 năm tù treo trong vụ xử 21 người cộng sản xu hướng Trottskit ngày 1 tháng 5-1933 ở Sài Gòn. Vợ anh là Nguyễn Huệ Minh bị 3 tháng tù giam. Có chán trong nhóm La Lutte từ đâu, anh tham gia vào cuộc vận động bầu cử Hội đồng thành phố năm 1933 ở Sài Gòn.

Anh bí mật tán trợ Lư Sanh Hạnh gây dựng "Chính đoàn cộng sản quốc tế chủ nghĩa, phái tân thành Đệ tứ Quốc tế", anh đã viết ra số duy nhất của tạp chí *Cách mạng thường trực*, tờ báo bí mật đầu tiên của tổ chức Trottskit. Trong số báo này, anh đã dự đoán sau khi Mặt trận Bình dân giành được thắng lợi ở Pháp, sẽ có một phong trào công nhân rộng lớn nổi lên ở chính quốc. Anh đã nghĩ đến thợ thuyền và dân cày nghèo ở Đông Dương sẽ tràn trề hy vọng và hành động: tại sao lại không sản sinh ra những Lenin và Trotsky khác? Anh chủ trương xây dựng "một đảng quần chúng", chứ không phải đảng của những nhà cách mạng chuyên nghiệp theo kiểu Stalin. Đảng đó phải ra đời trong đấu tranh thực sự của vô sản thành thị và nông thôn, và phối hợp với vô sản Pháp để tổ chức tổng đình công, vì không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phạm vi quốc gia.

Tháng 9-1936, Tường tách ra khỏi nhóm La Lutte, xuất bản tờ *Le Militant* (Chiến sĩ), tố cáo chính sách đàn áp thường xuyên của Mặt trận Bình dân, mà báo *La Lutte* phê bình một cách rụt rè, và ra mặt công kích chủ nghĩa Stalin. Anh tập hợp các chiến sĩ bí mật trong Nhóm bôn sê vich-lêninit tán thành Đệ tứ Quốc tế, ra tờ báo bán công khai *Thợ thuyền tranh đấu*.

Sau vụ án Mátxcova lần thứ 2 tháng 3-1937, anh đăng bài trích *Giai đoạn quyết định* của Trôtski và đặc biệt là bản *Chúc thư của Lênin* với những lời cảnh báo về Stalin.

Tháng 9-1938, lợi dụng quyền tự do tương đối về xuất bản báo chí bằng chữ quốc ngữ, Hồ Hữu Tường và Đào Hưng Long liên xuất bản tờ báo *Chiến đấu Thầy thơ* và cho tái bản tạp chí lý luận *Tháng Mười*, đăng điều lệ của Đệ tứ Quốc tế, giải thích lý luận của cách mạng thường trực áp dụng cho Đông Dương và kêu gọi các đồng chí từ Bắc chí Nam hãy đoàn kết lại để xây dựng một đảng theo Đệ tứ Quốc tế.

Hồ Hữu Tường bị bắt từ đầu chiến tranh cuối 1939 và bị đưa ra Côn Đảo. Sau khi được tự do vào năm 1944, Tường công bố với các bạn cũ : "Tôi trở về con đường dân tộc, tôi cho rằng việc giai cấp vô sản giải phóng nhân loại là một huyền thoại lớn của thế kỷ 19 và tiềm năng cách mạng của giai cấp vô sản ở châu Âu và Bắc Mỹ là một huyền thoại lớn của thế kỷ 20".

Sau ngày Nhật đảo chính tháng 3-1945, Hồ Hữu Tường ra Bắc. Ngày 27 tháng 8-1945 người ta thấy tên Hồ Hữu Tường dưới bức điện tín của Ủy ban nhân dân Bắc Bộ gửi Bảo Đại yêu cầu thoái vị, bên cạnh các gương mặt quan trọng của Việt Minh là Nguyễn Văn Huyên và Nguyễn Xiển.

Trở lại Nam Bộ sau khi đất nước bị phân chia (1954), Hồ Hữu Tường làm cố vấn cho tướng cướp Bảy Viễn rồi bị Ngô Đình Diệm kết án tử hình năm 1957. Nhờ Nehru và Albert Camus can thiệp, anh thoát chết rồi bị đưa ra Côn Đảo. Sau khi Diệm đổ anh trở thành dân biểu đối lập thời Nguyễn Văn Thiệu.

Năm 1977, hai năm sau ngày quân đội miền Bắc tiến vào Sài Gòn, anh bị giam trong "trại lao động cải tạo". Khi quá kiệt sức được thả ra khỏi trại, anh chết gục trước thềm nhà mình ngày 26 tháng 6-1980.

Bốn năm sau ở Paris xuất hiện tập tự sự ngắn của Hồ Hữu Tường Hồi ký 41 năm làm báo. Anh còn để lại một hồi ký bằng tiếng pháp *Un fétu dans la tourmente* (Một cộng rơm trong cơn gió bụi). Paris 1969, không có xuất bản.

### ĐÀO HƯNG LONG (1905-...)

Gốc ở Long Trì (Rạch Giá), gia nhập Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội năm 1926. Qua năm 1929 trong khi phân liệt anh thuộc cánh cộng sản theo Ngô Gia Tự và trở thành đặc ủy miền Tây Nam Kỳ của Đảng cộng sản Đông Dương, có biệt danh là Anh Già.

Sau phong trào nông dân 1930-1931 với thất bại của Xô viết Nghệ Tĩnh, anh phê phán đường lối của ĐCS, cho rằng đảng rời vào chủ nghĩa phiêu lưu, mang tính chất công nông, mà ban lãnh đạo phần lớn xuất thân từ trí thức và nông dân. Đầu năm 1931 anh thành lập ở Bạc Liêu nhóm Liên minh cộng sản đoàn, tổ chức một "ban mạo hiểm" có nhiệm vụ gây quỹ cho đảng. Ít tháng sau Hồ Hữu Tường kéo Long gia nhập Phái Tả đối lập. Bị bắt ngày 24-10-1932, anh bị kết án một năm tù rồi đưa đi làm khổ sai đập đá ở miền núi Châu Đốc. Ở đó anh lôi cuốn tù thường phạm làm reo, tuyệt thực phản đối công việc lao dịch. Chủ ngục đòn áp tráng trọng cuộc đấu tranh này, tống anh trở về Khám lớn Sài Gòn.

Đào Hưng Long sinh sống tại Sài Gòn với nghề vẽ biển hiệu. Năm 1936, thời kỳ Mặt trận Bình dân, anh tham gia

phong trào Đông Dương Đại hội, viết cuốn *Phương pháp làm việc của một ủy ban hành động*. Năm 1937 bị kết án hai tháng tù vì vận động nghiệp đoàn. Cuối 1938 cùng Hồ Hữu Tường xuất bản tờ báo công khai bằng chữ quốc ngữ *Thày Thợ* rồi viết báo *Tia Sáng* từ tháng 1-1939. Đồng bị cáo phản đối chiến tranh, công trái và thuế đảm phụ phòng thủ Đông Dương như các đồng chí *Tia Sáng*, anh bị kết án 2 năm tù, 10 năm biệt xứ ngày 2-10-1939. Trong lúc chiến tranh anh bị giam trong các trại Tà Lài và Bà Rá, rồi đày sang Madagaxca, chỉ trở lại xứ nhà vào năm 1947. Đào Hưng Long lặng bỏ đường lối đấu tranh giai cấp và từ đấy theo Hồ Hữu Tường trên con đường chủ nghĩa dân tộc trung lập.

#### LU SANH HẠNH (1912-1982)

Sinh tại Bến Tre trong một gia đình trung lưu, học trung học ở Mỹ Tho. Năm 1932, là một ủy viên cộng sản có uy tín trong thành ủy Sài Gòn, anh định tổ chức lại đảng trên một cơ sở có phê phán, cho ra tờ *Lao Công*. Bị bắt ngày 9-10-1932 rồi bị kết án 15 tháng tù, anh bị đưa đi Vũng Tàu đẩy xe rùa chở đá sỏi. Anh lôi cuốn tù thường phạm cùng bãi công. Bọn ngục tốt giam anh vào hầm tối, anh tuyệt thực dài ngày, rốt cuộc chúng trả anh về Khám lớn Sài Gòn.

Anh bán hết gia sản, làm thợ cắt tóc lưu động để tuyên truyền, rồi làm phóng viên cho báo *Đuốc nhà Nam* của phái Lập hiến. Tháng 7-1935, anh bí mật thành lập "Chánh đoàn cộng sản quốc tế chủ nghĩa" (phái tán thành Đệ tứ Quốc tế). Sau đó một năm cả nhóm bị hạ ngục khi Chánh đoàn này kêu gọi tổng bãi công hồi tháng 6-1936. Hạnh bị kết án 18 tháng tù. Tháng 1-1939 anh cộng tác với tờ *Tia Sáng*. Anh trốn thoát

lưới mật thám hồi tháng 9-1939, ẩn thân ở miền Tây Nam Kỳ trong mấy năm chiến tranh.

Cuối 1944, Lư Sanh Hạnh trở lại Sài Gòn bí mật xây dựng Liên minh Cộng sản, Đệ tứ Quốc tế. Sau khi Nhật đầu hàng, Liên minh vận động thành lập những Uỷ ban nhân dân, một chính quyền dân chúng phôi thai, phân tranh lưỡng quyền với chính phủ tự tuyên bố của Trần Văn Giàu. Ngày 14-9-1945, khoảng ba chục đại biểu các Uỷ ban nhân dân tụ họp tại trụ sở cùng với Lư Sanh Hạnh, công an Việt Minh áp tới, tước vũ khí và bắt giam họ lại. Ngày 22-9 quân đội Anh chiếm Khám lớn, dịp tình cờ mà Hạnh và các chiến hữu thoát khỏi tay sát thủ của Việt Minh.

Sang Pháp năm 1947, anh viết bài trong tạp chí *Quatrième Internationale* (Đệ tứ quốc tế) dưới bút danh Lucien. Trở về xứ năm 1954, Lư Sanh Hạnh chết vì bệnh lao ở Sài Gòn ngày 2-11-1982.

### NGUYỄN VĂN NAM tức ANTHONY

Sinh ngày 26 tháng 5-1912 ở Bến Tre, trong một gia đình công giáo mà tài sản đã tích lũy được từ đầu thời đô hộ của Pháp. Nguyễn Văn Nam là con ông đốc phủ Michel Mỹ, được gọi là con Hùm Chợ Lách, nổi tiếng trong vụ đàn áp nông dân nổi dậy năm 1930. Giàu có nhờ ăn hối lộ, Michel Mỹ đã xây một nhà thờ ở Chợ Lách để... chuộc lại tội lỗi của mình. Ông đã bị những người khởi nghĩa giết chết vào tháng 9-1945 ở Gia Định.

Học sinh trường Trung học công giáo Taberd ở Sài Gòn, nơi có người anh dạy ở đó. Nguyễn Văn Nam là đứa con không xứng đáng với gia đình vì đã tham gia cuộc bãi khóa năm 1926

nhân đám tang nhà cách mạng lão thành Phan Châu Trinh. Đi Pháp năm 1928, Nguyễn Văn Nam học trường Trung học Lakanal ở Sceaux, gia nhập Phái tả Đổi lập và hoạt động năm 1932 trong nhóm Trotskit An nam ở Paris cùng với Trần Văn Sỹ, La Văn Rót và Nguyễn Văn Lịnh. Trở về Sài Gòn năm 1935, Nguyễn Văn Nam tiếp xúc với những người Trotskit trong nhóm La Lutte, và đăng trên tờ *La Lutte* những bài về những vụ đình công và về Angieri. Năm 1937 anh hợp tác với Hồ Hữu Tường để xuất bản tờ báo công khai *Tháng Mười*. Tháng 2-1939, Nguyễn Văn Nam làm trị sự báo *Tia Sáng*. Báo bị đình bản, anh bị bắt cùng với người quản lý Edgar Ganofsky, Đào Hưng Long và một số biên tập viên khác, anh bị tù giam cho đến đầu 1940.

Vào giữa năm đó, sau khi Pháp thua trận, Nguyễn Văn Nam bị truy lùng như những "phân tử nguy hiểm" khác, đã thoát khỏi bàn tay của mật thám và trốn ở nhà bạn bè tại Bến Súc, Trà Vinh, Phnôm Pênh, Hà Nội và cuối cùng là Quảng Ngãi. Anh trở về Sài Gòn năm 1943.

Tháng 8-1945, khi Sài Gòn sôi sục sau khi Nhật đầu hàng, Nguyễn Văn Nam trở lại hoạt động trong Liên đoàn Cộng sản Quốc tế mới được phục hồi. Anh thảo truyền đơn kêu gọi thành lập ủy ban nhân dân và vũ trang cho quần chúng, khẩu hiệu sẽ được nhắc lại rộng rãi trong cuộc tuần hành khổng lồ ngày 21 tháng 8-1945.

Thoát khỏi vụ thủ tiêu những người Trotskit của phái Stalin và của Việt Minh, Nguyễn Văn Nam di cư sang Pháp đầu 1948. Cuối năm 1949 anh ly khai khỏi chủ nghĩa Lenin-Trôtski và có nhiều tiếp xúc để mở một triển vọng cách mạng mới. Đối với

anh, những đảng gọi "đảng thợ thuyền" – nhứt là các đảng theo đường lối Lênin – đều là những mầm móng Nhà nước, bộ máy đàn áp giai cấp. Một khi họ lên chánh quyền họ sẽ trở thành Đảng-Nhà nước, trụ cốt một giai cấp bóc lột mới.

Nguyễn Văn Nam làm việc ở nhà máy cho đến năm 1961, và sau đó vừa học vừa làm kế toán. Tốt nghiệp cử nhân Anh văn, anh viết một đề tài về cuộc dân di cư sang Anh.

### NGUYỄN VĂN LINH tức RENÉ (1909-1951)

Sinh ở Bến Súc (Thủ Dầu Một) trong một gia đình trung lưu, Nguyễn Văn Linh sang Pháp năm 1926. Anh học trường Trung học Michelet ở Vanves rồi Đại học Văn khoa ở Paris. Cùng với Trần Văn sĩ anh khởi xướng nhóm Cộng sản Tả phái Đông Dương tại Paris từ 1931. Cùng với những người đối lập Pháp anh tham gia Hội nghị quốc tế ở Amsterdam chống chiến tranh, anh phát biểu không nên lừa bịp vô sản làm họ tưởng rằng có thể ngăn chặn được chiến tranh mà không phá tan cơ sở của chiến tranh là chủ nghĩa tư bản. Anh tham gia Hội ái hữu những người Đông Dương và Câu lạc bộ nghiên cứu xã hội tổ chức năm 1934, tại đó anh gặp gỡ những người bị loại khỏi ĐCS Pháp. Anh phê phán Mặt trận Bình dân vì đã đàn áp phong trào Đông Dương Đại hội năm 1936. Anh viết bản tin Quốc tế IV năm 1937 tố giác chế độ chuyên chế của đảng cầm quyền ở Liên Xô đối với vô sản, và phê phán ĐCS Pháp từ khi có hiệp ước Laval-Stalin (1935), đã "đẩy quần chúng An nam ủng hộ bọn đế quốc dân chủ" và kêu gọi "giữ bằng bất cứ giá nào hòa bình tại ba thuộc địa Pháp ở Bắc Phi".

Trở về Nam Kỳ vào đầu cuộc chiến tranh, anh dạy học trường tư tại Cần Thơ. Anh gia nhập Liên minh Cộng sản

Quốc tế chủ nghĩa ở Sài Gòn tháng 8-1945, phụ trách huấn luyện chính trị công nhân xe điện Gò Vấp và giữ liên lạc giữa các chiến hữu ở bưng biển và thành phố.

Tháng 1-1950, ba người lãnh đạo Liên minh cộng sản Trung Hoa (vào năm 1948 nhóm ấy có 380 đảng viên công nhân và sinh viên) là Peng Shuzhi cùng vợ là Cheng Bilan và Liu Jialiang đến gặp anh em Sài Gòn. Vài tháng sau họ cùng Nguyễn Văn Lịnh, Liu Khánh Thịnh được người mời tới tham dự một cuộc họp bí mật tại một vùng quân quản của Việt Minh ở Biên Hòa để thảo luận vấn đề phái Đệ tứ tham gia kháng chiến. Lịnh, Thịnh và Liu Jialiang bị sa bẫy ngày 13-5-1950. Họ mất tích từ đây. Một thời gian sau đài phát thanh bưng biển của Việt Minh truyền bá cáo kết tội họ là "tay sai của đế quốc Pháp".

### TRẦN VĂN SĨ (1907-1941)

Sinh ở Tân Thành Đông (Gia Định), sau khi học ở Hà Nội, làm nhân viên kỹ thuật, rồi sang Pháp tháng 7-1929. Gặp Nguyễn Văn Lịnh ở Paris, anh trở thành linh hồn của Nhóm cộng sản Tả phái Đông Dương phân tích những sai lầm của DCS Đông Dương, trong tinh thần của Phái Tả Đối lập ủng hộ Trôtski trong cuộc đấu tranh chống bọn quan liêu cầm quyền ở nước Nga. Anh hoạt động cùng với Maurice Nadeau trong chi bộ Liên minh cộng sản Quận 13 ở Paris.

Từ tháng 2-1932, nhóm này phát hành một tập san in ronéo *Duốc vô sản*, đưa ra các đề án của Nhóm Tả đối lập về cách mạng Đông Dương, đã bị những người An nam trong tiểu ban thuộc địa của DCS Pháp công kích kịch liệt. Tháng 10-1933 thấy không có khả năng được công nhận là phái đối lập trong

ĐCS Đông Dương, nhóm này dự tính tổ chức một đảng cộng sản mới. Năm 1935, Trần Văn Sĩ là một trong những người khởi xướng phân bộ Đông Dương của Đệ tứ quốc tế.

Trở về Nam Kỳ ngày 13-9-1937, Trần Văn Sĩ tiếp xúc với Tạ Thu Thâu trong nhóm La Lutte, và năm 1939 có tên trong danh sách Đệ tứ Quốc tế tham gia bầu cử thuộc địa hồi tháng 4. Bị bắt ngày 13-7-1939 vì đấu tranh chống thành lập quỹ phòng vệ quốc gia của chính quyền thuộc địa, anh bị kết án ba năm tù ngày 16-4-1940 . Anh đã qua đời ở nhà tù Côn Đảo.

#### LIU JIALIANG (1911-1950)

Quê ở Quảng Đông, Trung Quốc. Lên 14 tuổi anh đã giác ngộ chính trị trong cuộc cách mạng Trung Quốc lần thứ hai (1925-1927). Năm 1931 anh lên Bắc Kinh học và tham gia phong trào Trotkit. Bị bắt khi trở về Thượng Hải năm 1933 và bị tù cho đến 1937. Ra tù vào lúc nổ ra chiến tranh Trung-Nhật, anh sang Hồng Kông để lo việc đào tạo thanh niên trong tổ chức Trotkit vùng Hoa Nam. Đây là lúc anh dịch *Thảm kịch của cách mạng Trung Hoa* của Harold Isaacs sang tiếng Trung Hoa. Bị người Anh bắt giữ và trục xuất về Thượng Hải. Tuy bị ốm nặng anh vẫn tiếp tục hoạt động. Anh trở lại Hồng Kông tháng 3-1949. Bị cảnh sát lùng bắt, anh chạy sang Sài Gòn tháng 1-1950. Tháng 5-1950 anh cùng hai đồng chí Việt Nam trong Liên minh cộng sản quốc tế chủ nghĩa bị rơi vào ổ phục kích của Việt Minh tại bưng biển Biển Hòa phía bắc Sài Gòn, và bị tra tấn đến chết.

#### TRẦN ĐÌNH MINH, tức NGUYỄN HẢI ÂU (1912-1946)

Thi sĩ Nguyễn Hải Âu là tác giả cuốn tiểu thuyết *Người con gái câm* nói về người con gái nghèo, xấu và câm, nhưng

khi được yêu thì nói được và sắc đẹp nở hoa. Có lẽ đó là biểu tượng cho những kẻ nô lệ được sống một cuộc đời đích thực nhờ cuộc cách mạng xã hội. Anh cũng viết về kinh tế: *Kinh tế học phổ thông* (Hà Nội, 1944), *Kinh tế thế giới 1929-1934* (Hà Nội, 1945). Anh đã bỏ nghề dạy học để làm thợ in tại nhà in Lê Văn Tân ở Hà Nội, nơi in tờ báo bí mật *Cờ Đỏ* năm 1944-1945. Anh đến Sài Gòn tháng 7-1945, chung hoạt động cùng các đồng chí ở đây. Được đoàn công binh xưởng xe điện Gò Vấp cử ra lãnh đạo cùng Nguyễn Văn Thương trong cuộc khởi nghĩa ở Sài Gòn tháng 9-1945. Anh hy sinh ở mặt trận Mỹ Lợi gần Cao Lãnh (Sa Đéc) ngày 13-1-1946, dưới làn đạn của đội quân bổ sung bắn xứ trong quân đội Pháp giả làm du kích. Dân làng Mỹ Tây đã xây cho anh một ngôi mộ.

#### EDGAR GANOFSKY (1880-1943)

Người Pháp, gốc đảo Réunion, là một giáo viên bị thải hồi vì chính trị, luôn luôn chống đối chính quyền, có tư tưởng chống thực dân, ông đã xuất bản tờ *La Voix libre* (Tiếng nói tự do) từ 1923 đến 1932. Là người theo xu hướng tự do tuyệt đối, sống thanh đạm theo lối người Việt trong một căn phố nghèo ở Đa Kao. Năm 1933 ông ủng hộ nhóm La Lutte, với tư cách là công dân Pháp, ông đứng ra đảm nhiệm làm quản lý không công cho báo *La Lutte*. Năm 1936 ông tham gia phong trào Đông Dương Đại hội, hoạt động trong ủy ban hành động quận Đa Kao. Năm 1939 lại làm quản lý cho tờ báo Trotskit *Tia Sáng*, ông bị kết án một năm tù và 5 năm biệt xứ, qua tháng 6-1940 án của ông đổi thành 3 năm tù và 10 năm biệt xứ. Ông bị quản thúc tại Cần Thơ và chết trong khốn cùng năm 1943.

### THÁI VĂN TAM

Một trong những người sáng lập tờ *Bạn Dân* ở Hà Nội, đoạn tuyệt với phái Stalin năm 1937 sau việc Mặt trận Bình dân cấm phong trào Đông Dương Đại hội. Anh khởi xướng nhóm Tia Sáng ở Bắc Kỳ, xuất bản tuần báo *Thời đàm*, tháng 8-1938 đã kêu gọi công nhân và nông dân thành lập "các ủy ban nhân dân hợp nhất thành một mặt trận đấu tranh vì cơm áo, tự do và dân chủ", trong quá trình đấu tranh cách mạng, ủy ban này sẽ trở thành hội đồng công nông. Tờ báo bị đình bản, tháng 11-1938 anh cho ra tờ *Chính trị tuần báo* và in bản dịch cuốn sách của Trôtski *Léon Sérov*. Bị theo dõi vì những bài báo chống chiến tranh trên tờ *Thời đàm*, anh bị kết án hồi tháng 4-1939 với 5 tháng tù, cùng với những người bạn Bùi Duy Từ, Nguyễn Uyển Diêm. Thái Văn Tam qua đời trong chiến tranh ở một nhà tù tại miền Trung.

### LÊ QUANG LUƠNG tức BÍCH KHÊ (1915-1946)

Là thầy giáo vừa là một thi sĩ được dân mến, quê ở Thu Xà (Tư Nghĩa, Quảng Ngãi). Anh đã dịch cuốn *Từ Liên Xô trở về* của André Gide ngay sau khi sách ra đời năm 1936, và từ đó được phái Stalin coi như người khởi xướng nhóm Đệ tứ trong vùng. Anh chết vì bệnh lao năm 1946 lúc 31 tuổi, sau đó dân chúng vì mến trọng anh nên họ đặt tên con đường từ bến xe đò đến cửa thành phía đông là đường Bích Khê, mặc dầu trong bản đồ chính thức thành Quảng Ngãi không có tên con đường đó. Mộ anh bị bỏ hoang đầy cỏ rậm, như anh đã tiên cảm trong bài thơ Nấm mồ :

*Đây cỏ xanh xao mấy lớp phủ,  
Trên mồ con quạ đứng yên hoi.*

Năm 1991 gia đình muôn di táng anh về sinh quán. Nhưng tên Bốn thư ký Uỷ ban nhân dân xã không cho phép, đưa ra những lý lẽ: anh chết vì bệnh lao, hài cốt có thể gây nhiễm độc trong làng, ngoài ra anh là "Trốt kít", "theo các nhà cách mạng trường thành, chủ nghĩa Trốt kít thực là phản động" (Trần Đang điều tra, đăng trên báo *Lao động* ngày 20-1-1994).

### LUƠNG ĐỨC THIỆP (... -1945)

Quê ở Thanh Hóa, bị đuổi khỏi trường Trung học Nam Định sau cuộc bãi khóa phản đối một thầy giáo Pháp là "Paul mũi đũ" vì những hành động thô bạo vào sĩ nhục đối với học sinh Việt Nam. Năm 1930 Lương Đức Thiệp định bí mật ra nước ngoài, nhưng bị bắt ở Băng Kốc và giải về Thanh Hóa để chịu án một năm tù và bị quản thúc tại nhà.

Năm 1937 anh khởi xướng Nghiệp đoàn bí mật công nhân in ở Hà Nội. Năm 1941 anh tham gia nhóm Hàn Thuyên, tìm hiểu phê phán lịch sử, cáo giác hệ tư tưởng anh hùng dân tộc. Năm 1945 anh thành lập Đảng thợ thuyền xã hội Bắc Việt, theo Đệ tứ quốc tế, tập hợp nhiều công nhân và sinh viên, trong đó có nhiều phụ nữ. Nhóm này xuất bản tờ *Chiến đấu*, phát hành nhiều sách và mở những lớp huấn luyện chủ nghĩa Mác. Nhóm này tán phát truyền đơn áp phích kêu gọi vũ trang cho nhân dân, giao quyền quản lý nhà máy cho thợ thuyền, phân chia ruộng đất cho dân cày, như đã làm ở miền Nam. Anh chuẩn bị cuộc đấu tranh vũ trang chống quân Pháp quay trở lại, và trong những cuộc hội họp lớn, như ở Bạch Mai, đã được đồng đảo quần chúng hưởng ứng chương trình cách mạng của mình.

Trước sự phát triển của phong trào cách mạng công nông ngoài tầm kiểm soát của Việt Minh, anh đã bị sát thủ của Việt Minh giết hại năm 1945. Trong cuốn hồi ký *Cát bụi chân ai* (Californie, 1993), nhà văn Tô Hoài có nhắc đến việc này.



Cùng các bạn thân mến gợi lại trên đây, cùng bao nhiêu  
chiến hữu đã chen vai đâu cật trong cuộc chiến đấu, đã vong  
mạng không tên không tuổi, nào ai mặc mặt nào ai gọi hồn,  
cùng tất cả những ai mơ mong một thế giới mới, không còn  
bạo lực, một xã hội không người bóc lột người, cùng thân mẫu  
tôi, tôi kính tặng tập hồi ký này.

Paris, ngày 8 tháng chín, năm 2000.



*Bốt Mật thám đương Catinat*



## Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU .....	9
BỊ BẤM .....	13
TUỒN TRÉ .....	33
NHỮNG NĂM TẬP SỰ.....	59
TRONG KHÁM LỚN.....	91
TÙ NHÀ TÙ NÀY SANG NHÀ TÙ KHÁC.....	119
TAI VÙNG CHÂU THỔ SÔNG MÉKONG .....	139
GIỮA HAI LÀN ĐẠN .....	161
HƯỚNG TỚI NHỮNG BẾN BỜ KHÁC .....	188
CÒN NHỮNG BẠN BÈ ?.....	203





Ngô Vǎn (1957) : *Autoportrait*

ACHEVÉ D'IMPRIMER

le 30 mars 2006

LE CHAT QUI PÊCHE